

The logo for ARTEX, featuring the word "ARTEX" in a bold, sans-serif font. The letter "X" is stylized with a blue and white gradient and a white arrow-like shape pointing to the right.

ARTEX

The background of the cover is a dark blue and black geometric design. It features a stylized world map composed of blue dots, overlaid with various data visualization elements: orange and red bar charts, a wavy orange line graph, and vertical lines with circular markers. The overall aesthetic is modern and data-driven.

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018**

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
DẤU ẤN 2018	5
TỔNG QUAN VỀ ARTEX	7
TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	8
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	9
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	10
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	11
THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG	12
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ	14
DỊCH VỤ GIA TĂNG	15
TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	16
BẢO LÃNH PHÁT HÀNH	18
DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN	19
DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH	20
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH	21
KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2018	22
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2019	28
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2018	32
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC	33
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	40
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	43
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG - DÀI HẠN	44
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019	45
TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	46
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	49
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	50
BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2018	68

THÔNG ĐIỆN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý Cổ đông, quý Khách hàng và các Đối tác!

Kinh tế Việt Nam năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ và diễn biến phức tạp chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Mặc dù vậy, tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2018 vẫn đạt mức cao nhất trong 10 năm qua, lên 7,08% so với năm 2017. Dù tăng trưởng GDP ở mức cao, song nền kinh tế vẫn bảo đảm ổn định vĩ mô, chỉ số giá tiêu dùng ở mức 3,54% - đảm bảo mục tiêu kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng. Điều này đã tạo tiền đề cho thị trường chứng khoán năm 2018 có những bước tăng trưởng mạnh cả về điểm số và quy mô.

VN - Index lập đỉnh cao mới trong lịch sử ở mức 1.211 điểm (ngày 10/4/2018), nhưng sau đó là quá trình sụt giảm mạnh 27% xuống đáy 888 điểm (ngày 30/10/2018). Thị trường chứng khoán "lạc nhịp" trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất 10 năm, xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan như tình trạng căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, cũng như xu hướng tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương trên toàn cầu. Mặc dù vậy, có thời điểm vốn hóa thị trường chứng khoán (không bao gồm thị trường trái phiếu) đã đạt 60,8% GDP và tương đương chỉ tiêu Chính phủ đặt ra vào năm 2020 - ghi nhận mức kỷ lục về vốn hóa thị trường.

*"Không ngừng vươn xa
và tối đa hóa lợi ích
của khách hàng, đối tác
trên cơ sở quản trị rủi ro
tốt nhất"*



Một dấu ấn quan trọng với thị trường chứng khoán năm 2018 là Tổ chức tính toán chỉ số chứng khoán toàn cầu (FTSE) đã đưa Việt Nam vào danh sách theo dõi nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi. Nếu được nâng hạng, thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tăng sức thu hút đối với của các định chế tài chính và quỹ đầu tư lớn trên thế giới. Để đón đầu làn sóng nâng hạng, nhiều Công ty chứng khoán (CTCK) ngoại đã liên tục “đổ bộ” vào thị trường Việt Nam. Sự gia nhập của các CTCK ngoại với những đợt tăng vốn lớn đang đặt các CTCK nội trước bài toán cạnh tranh ngày càng quyết liệt.

Năm bắt xu thế, năm 2018, Artex đã nâng cao năng lực tài chính và từng bước chuyển đổi hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư. Các dịch vụ chứng khoán ngày càng được đa dạng hóa theo hướng chuyên sâu. Với những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, Artex đã kết thúc năm 2018 với nhiều thành tựu mới. Quy mô vốn chủ sở hữu đã tăng từ 399 tỷ đồng lên 1.049 tỷ đồng, đáp ứng yêu cầu về vốn để triển khai thêm nghiệp vụ chứng khoán phái sinh và tăng nguồn vốn cho hoạt động margin. Không dừng lại ở đó, Artex đang từng bước đẩy mạnh dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Tư vấn đầu tư. Bên cạnh đó, các nghiệp vụ Môi giới, Dịch vụ tài chính, Tự doanh cũng đem lại những kết quả đáng ghi nhận.

Ngày 28/09/2018 đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng khi Artex đã chính thức chuyển sàn niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đây được coi là một bước tiến mới sau hơn một năm niêm yết trên sàn Upcom, thể hiện những nỗ lực trong tiến trình minh bạch hóa doanh nghiệp nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông.

Bước sang năm 2019, với kim chỉ nam “Không ngừng vươn xa và tối đa hóa lợi ích của khách hàng, đối tác trên cơ sở quản trị rủi ro tốt nhất”, Artex sẽ tiếp tục đón nhận các nhân sự cao cấp, giàu kinh nghiệm và đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại tổ chức, hoạt động để tiếp tục vươn tới tầm cao mới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Khách hàng, các Đối tác kinh doanh và Quý Cổ đông đã luôn đồng hành cùng chúng tôi trên con đường chinh phục tầm cao mới, xin đặc biệt cảm ơn toàn thể cán bộ nhân viên đã cùng chung sức và đóng góp vào thành công của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex ngày hôm nay. Với sự hợp tác của quý vị, Artex sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều thành tựu mới trong chặng đường phát triển phía trước.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hương Trần Kiều Dung



DẤU ẤN

2018

DẤU ẤN

ARTEX 2018

31/10/2018



Công ty đã được UBCKNN chấp thuận tăng vốn điều lệ lên **969.225** triệu đồng. Artex đáp ứng điều kiện về vốn để triển khai nghiệp vụ Chứng khoán phái sinh.

29/9/2018



Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex đã vinh dự được Cục thuế Hà Nội trao tặng giấy khen tuyên dương
"DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU CHẤP HÀNH TỐT CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ THUẾ NĂM 2017"

28/9/2018



Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (mã CK: ART) đã

CHÍNH THỨC NIÊM YẾT TRÊN SÀN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

Cổ phiếu ART hủy niêm yết trên UPcom từ ngày 24/09/2018 và ngày giao dịch cuối cùng trên UPcom là 21/09/2018, cổ phiếu ART đóng cửa phiên cuối cùng trên HNX mức giá 9.500 đồng/cổ phiếu. Gần 37,26 triệu cổ phiếu ART – tương ứng với tổng mệnh giá khoảng 372,6 tỷ đồng chính thức giao dịch trên HNX vào ngày 28/09/2018. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên là 8.100 đồng/cổ phiếu.

TỔNG QUAN VỀ ARTEX



TÂM NHÌN

- Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam thông qua việc cung cấp đến các khách hàng và đối tác những dịch vụ chuyên nghiệp, đa dạng cùng với các giải pháp tài chính toàn diện.
- Không ngừng hoàn thiện và phát triển một cơ cấu tổ chức linh hoạt, năng động, kịp thời đầu tư các công nghệ tiên tiến nhất vì lợi ích của khách hàng.
- Tạo dựng đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn cao, có nền tảng kiến thức chuyên sâu, dày dặn kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư.

SỨ MỆNH

- Không ngừng hoàn thiện và ưu tiên đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Chính trực: Xây dựng niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác làm việc, hợp tác với Artex trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế.
- Hướng đến sự hoàn hảo: Artex hướng đến sự tăng trưởng ổn định trên cả ba phương diện là tăng thị phần môi giới và đẩy mạnh hoạt động M&A, Tư vấn tài chính doanh nghiệp, đồng thời tiếp tục ưu tiên công tác quản trị rủi ro và an toàn tài chính.
- Liên tục đổi mới: Liên tục phát triển và hoàn thiện từ thực tiễn, nâng cao kiến thức chuyên môn và không ngừng phát triển các quy trình nghiệp vụ nhằm đem đến cho khách hàng lợi ích cao nhất.
- Hợp tác: Artex cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ tài chính chứng khoán cho nhà đầu tư riêng lẻ cũng như các tổ chức, định chế tài chính chuyên nghiệp. Khách hàng mục tiêu của chúng tôi bao gồm các quỹ doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, xây dựng, bất động sản, ngân hàng, giải trí truyền thông, năng lượng...

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TÊN CÔNG TY:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX
TÊN TIẾNG ANH:	Artex Securities Joint Stock Company
TÊN GIAO DỊCH VIẾT TẮT:	Artex
GIẤY PHÉP THÀNH LẬP & HOẠT ĐỘNG	Số 85/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/03/2008
VỐN ĐIỀU LỆ:	969.225.090.000 VNĐ (Chín trăm sáu mươi chín tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng)
TRỤ SỞ CÔNG TY:	Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
SỐ ĐIỆN THOẠI:	+(84-24) 3936 8368
SỐ FAX:	+(84-24) 3936 8366
WEBSITE:	www.artexsc.com.vn
VĂN PHÒNG CHI NHÁNH:	Gian phòng số 2, tầng 18, tòa nhà Saigon Centre, giai đoạn 2, số 65 Lê Lợi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
SỐ ĐIỆN THOẠI:	+(84-28)3821 0735
SỐ FAX:	+(84-28)3821 0732



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



2018

- Chính thức niêm yết trên sàn GDCK Hà Nội (HNX) khởi đầu cho hành trình mới.
- Hoàn thành tăng vốn điều lệ lên hơn 969 tỷ đồng để phục vụ cho bước phát triển đột phá.



2017

- Top 10 thị phần môi giới Sở GDCK
- TP Hồ Chí Minh.
- Niêm yết trên sàn giao dịch UPCOM ngày 02/08/2017.
- Tăng vốn điều lệ lên 310,5 tỷ đồng để thực hiện nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành



2015

- Chính thức cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ sau khi đáp ứng các yêu cầu từ phía cơ quan quản lý và hoàn thiện nhân sự, quy trình nghiệp vụ.



2014

- Hoàn thành đầu tư và vận hành hệ thống giao dịch mới đảm bảo cung cấp các tiện ích giao dịch an toàn, hiện đại tới khách hàng.

ARTEX
Securities

2013

- Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex



2012

- Thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 1129/QĐ-UBCK.

FLC
Securities

2011

- Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex thành Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (FLCS)



2010

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex chính thức thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 85/UBCK - GP của UBCKNN ngày 03/03/2008.
- Được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký; được các Sở GDCK Hà Nội và TP HCM chấp thuận là thành viên giao dịch.

2008

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

ARTEX CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ TẤT CẢ CÁC DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN CHO NHÀ ĐẦU TƯ RIÊNG LẺ CŨNG NHƯ CÁC TỔ CHỨC, ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH CHUYÊN NGHIỆP GỒM:



DỊCH VỤ MÔI GIỚI CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC



HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ



DỊCH VỤ LƯU KÝ



DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP & NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

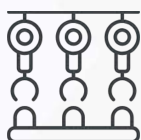


HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH



HOẠT ĐỘNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

KHÁCH HÀNG MỤC TIÊU CỦA CHÚNG TÔI BAO GỒM CÁC QUỸ, TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRONG NHIỀU LĨNH VỰC KHÁC NHAU NHƯ:



SẢN XUẤT



XÂY DỰNG



BẤT ĐỘNG SẢN



NGÂN HÀNG



GIẢI TRÍ TRUYỀN THÔNG



NĂNG LƯỢNG...

Lợi thế cạnh tranh cốt lõi của Artex chính là khả năng cung cấp đến các khách hàng và đối tác những dịch vụ chuyên nghiệp, đa dạng cùng với các giải pháp tài chính toàn diện và hiệu quả.

Chúng tôi luôn coi lợi ích của khách hàng là những giá trị cốt lõi mà chúng tôi không ngừng hoàn thiện và ưu tiên đặt lên hàng đầu. Những giá trị này được phản ánh thông qua những nguyên tắc thiết yếu trong hoạt động của chúng tôi: Chính trực, hướng đến sự hoàn hảo, luôn đổi mới và hợp tác.

THÔNG TIN CỔ PHẦN & CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY 969.225.090.000 VNĐ	SỐ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH 96.922.509 CỔ PHIẾU	SỐ CỔ PHIẾU LƯU HÀNH 96,922,509 CỔ PHIẾU
--	--	---

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	DANH MỤC	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông Nhà nước	-	-			
2	Cổ đông sáng lập	-	-			
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	-	-			
4	Công đoàn công ty	-	-			
5	Cổ phiếu quỹ	-	-			
6	Cổ đông khác	96.922.509	100%	1.437	18	1.419
	Tổng cộng	96.922.509	100%	1.437		
	Trong đó:					
-	Trong nước	96.644.947	99,71%	1.382	18	1.364
-	Nước ngoài	277.562	0,29%	55	0	55

THAY ĐỔI DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Năm 2018 không có thay đổi danh sách người có liên quan

THÔNG TIN CỔ PHẦN & CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	CHỨC VỤ/QUAN HỆ	SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ	TỶ LỆ SỞ HỮU CP CUỐI KỲ
1	Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch HĐQT	500.000	0,51%
	Người có liên quan		0	0%
2	Lê Bá Nguyên	TV HĐQT	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
3	Tống Hải Ninh	TV HĐQT	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
4	Nguyễn Quỳnh Nga	TV HĐQT	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
5	Trịnh Thị Thúy Nga	TV HĐQT Phó Tổng Giám đốc	0	0%
	Trịnh Văn Quyết	Anh trai	3.156.000	3,2%
6	Vũ Thị Bích Hồng	Trưởng BKS	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
7	Trương Vi Tuấn	TV BKS	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
8	Nguyễn Thị Duyên	TV BKS	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
9	Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc	0	0%
	Người có liên quan		0	0%
10	Quách Thị Xuân Thu	Kế toán trưởng	0	0%
	Người có liên quan		0	0%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

TT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trịnh Văn Quyết	Anh trai của bà Trịnh Thị Thúy Nga – TV HĐQT, Phó TGĐ	3.156.000	8,47%	3.156.000	3,2%	Nhượng quyền mua 2.630.000

- CÁC GIAO DỊCH KHÁC: **KHÔNG CÓ**
- CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CẦN LƯU Ý: **KHÔNG CÓ**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC & CƠ CẤU QUẢN LÝ





**DỊCH VỤ
GIA TĂNG**

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tư vấn tài chính doanh nghiệp được coi là dịch vụ mang tính chiến lược trong định hướng phát triển của Artex. Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex ý thức được vị trí, vai trò của mình và tự hào có đội ngũ cán bộ tư vấn giàu kinh nghiệm, được đào tạo tại các trường đại học danh tiếng trên thế giới và trong nước. Artex tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp đạt được mục tiêu của mình thông qua việc cung cấp các giải pháp mang tính thực tiễn cao, điều chỉnh cho phù hợp với từng doanh nghiệp cũng như nhận dạng và theo đuổi các cơ hội kinh doanh trong nước và quốc tế. Đến với Artex, khách hàng sẽ được cung cấp các dịch vụ tư vấn đa dạng với chất lượng nổi trội.



TƯ VẤN MUA BÁN, SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP (M&A)

Hoạt động mua bán sáp nhập là công cụ rất phổ biến của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài nhằm mục đích thực hiện chiến lược mở rộng và phát triển. Artex thực hiện vai trò là cầu nối, xúc tác cho tiến trình thực hiện mua bán, sáp nhập doanh nghiệp thông qua những đánh giá, phân tích, giảm thiểu những chi phí không cần thiết, định ra mức giá mua, bán hợp lý và phương thức phù hợp với tình hình của doanh nghiệp.



TƯ VẤN PHÁT HÀNH, BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

Với đội ngũ các chuyên gia tư vấn am hiểu về tài chính doanh nghiệp và thị trường chứng khoán, Artex sẽ giúp doanh nghiệp thực hiện thành công việc phát hành chứng khoán để huy động vốn với chi phí thấp nhất và đạt hiệu quả cao nhất thông qua các hoạt động cụ thể sau:

- Tư vấn lựa chọn công cụ tài chính, thời điểm và phương thức phát hành phù hợp
- Lập kế hoạch phát hành, bán đấu giá cổ phần
- Hỗ trợ lập hồ sơ phát hành, bán đấu giá cổ phần
- Thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành chứng khoán ra công chúng
- Tư vấn, hỗ trợ thực hiện việc chào bán chứng khoán



TƯ VẤN NIÊM YẾT

Các chuyên gia tư vấn giàu kinh nghiệm của Artex sẽ hỗ trợ khách hàng nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý đăng ký niêm yết chứng khoán. Đặc biệt hơn, Artex còn tư vấn, hỗ trợ khách hàng sau niêm yết các biện pháp bình ổn và tăng giá trị cổ phiếu, mang lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông, tạo niềm tin vững chắc của nhà đầu tư đối với các chứng khoán của khách hàng. Các dịch vụ Artex cung cấp bao gồm:

- Tư vấn lập hồ sơ niêm yết
- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục niêm yết
- Tư vấn, hỗ trợ xây dựng quy trình quản lý, công bố thông tin
- Tư vấn, hỗ trợ sau niêm yết

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU VÀ CHỨNG CHỈ QUỸ

Song song với dịch vụ Bảo lãnh Phát hành, Artex còn cung cấp thêm dịch vụ phát hành chứng khoán trên thị trường vốn (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ) hay thị trường nợ (trái phiếu), tạo sự đa dạng, giúp khách hàng có thể chọn lựa các hình thức dịch vụ phù hợp.



TƯ VẤN TÁI CẤU TRÚC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Tái cấu trúc tài chính có vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển của mọi doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp muốn chuyển đổi loại hình hoạt động của công ty hoặc mở rộng quy mô hoạt động nhằm đáp ứng sự phát triển nhanh và mạnh của công ty. Trên cơ sở phân tích và đánh giá hiện trạng tình hình tài chính doanh nghiệp và cơ cấu tổ chức công ty, Artex sẽ tiến hành lập kế hoạch và phương án tái cấu trúc doanh nghiệp một cách hợp lý, góp phần giúp cho tình hình tài chính của doanh nghiệp được minh bạch, phù hợp với thông lệ và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, và tối ưu nhất cho mô hình hoạt động của doanh nghiệp.



TƯ VẤN CỔ PHẦN HÓA/CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP

Với đội ngũ chuyên gia tư vấn về tài chính, tư vấn luật có nhiều kinh nghiệm Artex sẽ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ tư vấn chuyển đổi doanh nghiệp, cụ thể :

- Tư vấn cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước;
- Tư vấn chuyển đổi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thành công ty cổ phần;
- Tư vấn chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại;
- Tư vấn hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp;
- Tư vấn thoái vốn.



TƯ VẤN KHÁC

Để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, Artex cung cấp nhiều sản phẩm tư vấn đa dạng như:

- Phân tích tài chính dự án
- Tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường
- Tư vấn xây dựng điều lệ tổ chức và hoạt động
- Tư vấn đăng ký chứng khoán
- Tư vấn đăng ký/hủy đăng ký công ty đại chúng...

BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

Khi cung cấp dịch vụ Bảo lãnh Phát hành, Artex giúp tổ chức phát hành thực hiện các thủ tục trước khi chào bán chứng khoán, nhận mua toàn bộ giá trị chứng khoán của tổ chức phát hành để bán lại hoặc mua số chứng khoán còn lại chưa phân phối hết. Trong trường hợp cam kết chắc chắn khi thực hiện bảo lãnh phát hành, với uy tín và vị thế trên thị trường, Artex sẽ đóng vai trò quan trọng cho sự thành công của mỗi đợt phát hành, trong đó khách hàng đảm bảo nhận được toàn bộ số tiền phát hành chứng khoán tại một mức giá bảo lãnh do Artex cam kết trước vào ngày chính thức phát hành.

Các sản phẩm bảo lãnh phát hành chứng khoán tại Artex gồm:



BẢO LÃNH PHÁT
HÀNH CỔ PHIẾU



BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
TRÁI PHIẾU

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

MÔI GIỚI

Với đội ngũ chuyên viên môi giới được đào tạo chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm và luôn tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, Artex cam kết đem lại cho khách hàng những dịch vụ chất lượng cao, ổn định và tin cậy trong hoạt động mở tài khoản và giao dịch trên thị trường chứng khoán.

- Môi giới giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ
- Môi giới Trái phiếu;
- Môi giới các sản phẩm tài chính khác



TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Với đội ngũ chuyên viên môi giới nhạy bén, giàu kinh nghiệm, cùng sự hỗ trợ từ các báo cáo phân tích chất lượng của Bộ phận Nghiên cứu phân tích, Artex cung cấp cho Khách hàng gói dịch vụ Tư vấn đầu tư chất lượng với thông tin cập nhật nhất về biến động của thị trường cổ phiếu/CCQ và thị trường trái phiếu, giúp khách hàng có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về cơ hội đầu tư, nhằm hỗ trợ tích cực cho khách hàng trong việc ra các quyết định đầu tư phù hợp với bối cảnh và diễn biến thị trường.

Ngoài ra, Artex còn tổ chức các buổi gặp gỡ trực tiếp doanh nghiệp, giúp khách hàng có được những thông tin xác thực nhất về doanh nghiệp, cũng như các cơ hội đầu tư mới.

LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Artex cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm:

- Ký gửi chứng khoán
- Thực hiện quyền
- Chuyển khoản
- Cầm cố chứng khoán
- Cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lô lẻ

DỊCH VỤ HỖ TRỢ TÀI CHÍNH



CHO VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ


Với nguồn vốn chủ sở hữu hiện tại, Artex đáp ứng tốt nhu cầu vay vốn giao dịch ký quỹ của khách hàng với lãi suất hấp dẫn, danh mục cổ phiếu đa dạng...



HỖ TRỢ GIAO DỊCH ỨNG TRƯỚC

Số tiền ứng trước không giới hạn với mức lãi suất hấp dẫn.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH



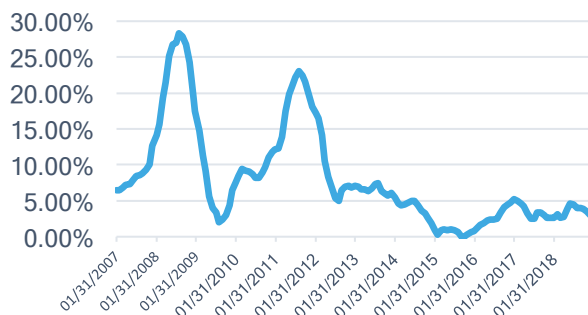
KINH TẾ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2018

KINH TẾ VIỆT NAM 2018

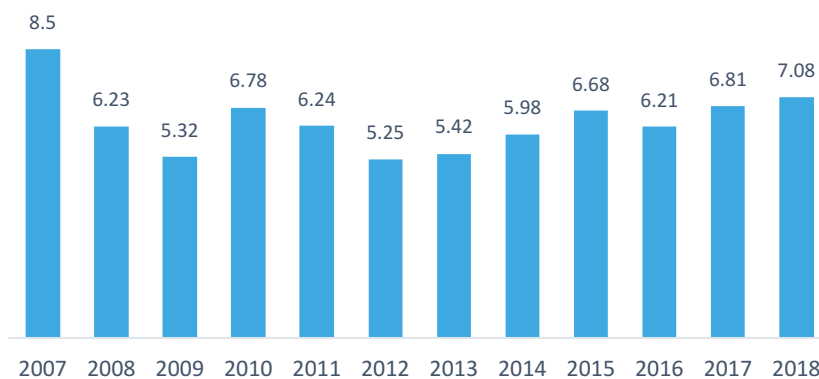
Kinh tế Việt Nam năm 2018 có mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây, đạt 7,08% (vượt mức kế hoạch Quốc hội giao từ 6,5%-6,7%). Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện. Nền tảng kinh tế vĩ mô được củng cố và từng bước được tăng cường.

Dù tăng trưởng GDP ở mức cao, song nền kinh tế vẫn bảo đảm ổn định vĩ mô, chỉ số giá tiêu dùng ở mức 3,54% - đảm bảo mục tiêu kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng dưới 4%.

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG
(SO VỚI CÙNG KỲ %)



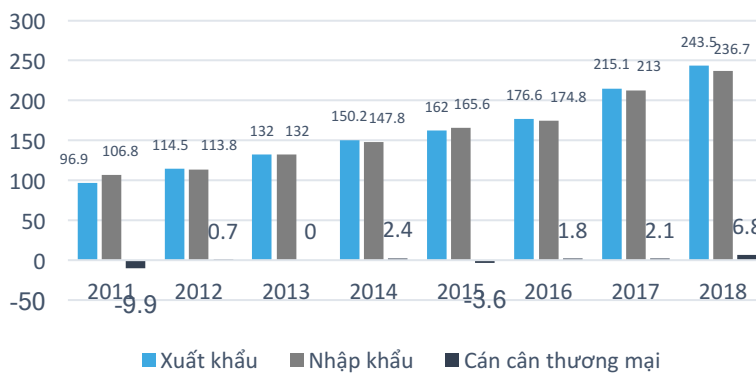
TĂNG TRƯỞNG GDP GIAI ĐOẠN 2007-2018 (%)



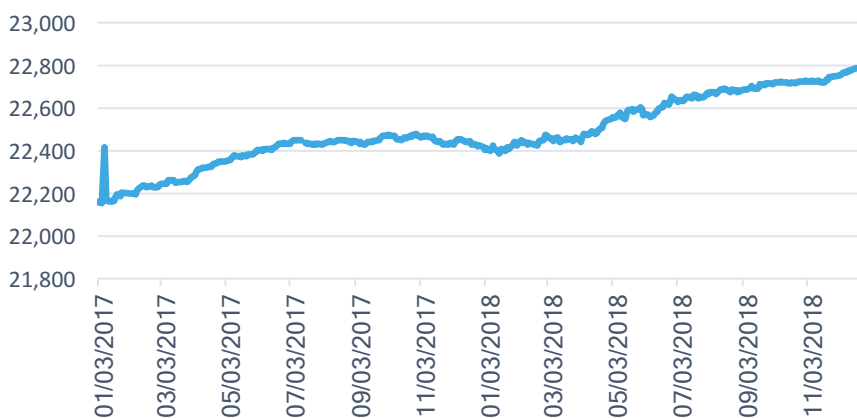
Năm 2018, lĩnh vực xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục lập kỷ lục mới. Tổng trị giá xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2018 đạt 480,17 tỷ USD, tăng 12,2%. Cán cân thương mại của Việt Nam trong năm 2018 đạt mức thặng dư 6,8 tỷ USD, cao gấp 3,2 lần mức thặng dư của năm 2017. Tính đến năm 2018, hàng hóa của Việt Nam đã được xuất khẩu đến hơn 200 quốc gia. Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đã tăng từ vị trí 50 trong năm 2007 lên vị trí 27 trong năm 2018 và được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng bậc trong năm 2019 và những năm tiếp theo.

Dự trữ ngoại hối đạt mức kỷ lục, ước đạt 60 tỷ USD, tăng 3,3 lần so với cách đây 3 năm. Nguồn dự trữ ngoại tệ cao đã giúp Ngân hàng Nhà nước chủ động hơn trong can thiệp thị trường tỷ giá. Nhờ vậy, dù năm 2018, thị trường tài chính thế giới biến động rất mạnh, đặc biệt là Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất 4 lần, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc diễn ra..., khiến nhiều nước trong khu vực phải điều chỉnh mạnh giá đồng nội tệ, song tỷ giá đồng Việt Nam chỉ tăng hơn 2%. Tỷ giá, thị trường vàng, ngoại tệ, giá trị đồng Việt Nam ổn định, tạo niềm tin cho nhà đầu tư, tiền đề cho kinh tế nước ta tiếp tục phát triển. Giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục đà tăng mạnh trong năm 2018 và thiết lập mức kỷ lục mới trong nhiều năm trở lại đây. Hơn 19 tỷ USD đã được rót vào Việt Nam trong năm 2018 cho thấy niềm tin mạnh mẽ của nhà đầu tư vào môi trường đầu tư cũng như tiềm năng tăng trưởng của Việt Nam trong thời gian tới.

CÁN CÂN THƯƠNG MẠI GIAI ĐOẠN 2011-2018 (TỶ USD)



Ngày 12/11/2018 là một ngày đặc biệt đối với nền kinh tế Việt Nam khi Quốc hội chính thức thông qua Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP hay TPP 11). CPTPP có 11 nước tham gia có tổng giá trị GDP khoảng 10.000 tỷ USD, chiếm khoảng 13% GDP toàn cầu. Hiệp định CPTPP được hy vọng sẽ đem đến cho Việt Nam cơ hội lớn hơn trong thúc đẩy thương mại và nâng cao năng suất cho nền kinh tế. Tuy nhiên, khi Hiệp định có hiệu lực, các doanh nghiệp nội địa Việt Nam sẽ phải đối mặt với sức ép cạnh tranh rất cao từ các nước tham gia hiệp định. Ngoài ra, hiệp định này còn tạo thêm sức ép bảo đảm các yêu cầu về xuất xứ nội khối và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; sức ép giảm mức thuế, dịch chuyển và xói mòn cơ sở thuế; sức ép vượt các hàng rào kỹ thuật (TBT) và hệ thống vệ sinh và kiểm dịch thực vật (SPS). Do vậy, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho quá trình hội nhập.



TỶ GIÁ TRUNG TÂM 2017-2018 (USD/VND)

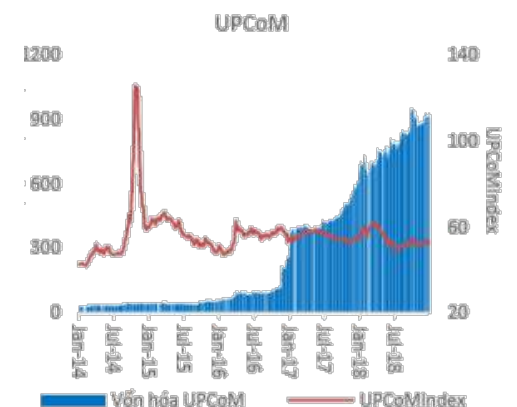
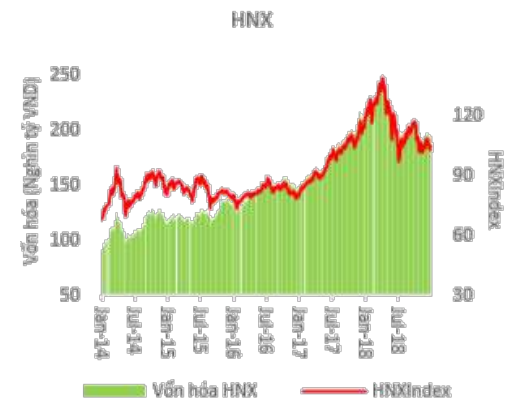
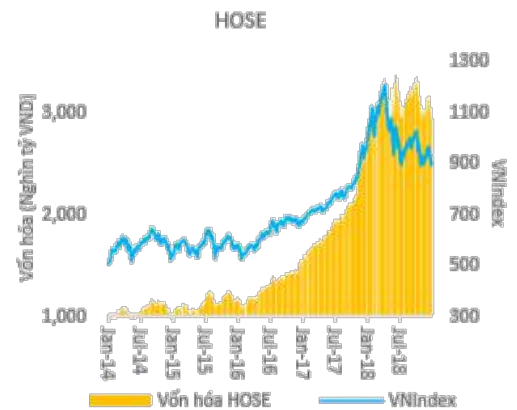
Tỷ giá trung tâm

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2018

Năm 2018 đã kết thúc với nhiều điểm nhấn trên Thị trường chứng khoán. VN-Index chạm ngưỡng cao lịch sử 1.204,3 điểm trước khi giảm điểm vào nửa cuối năm, đánh dấu năm giảm điểm đầu tiên sau 6 năm tăng liên tục. Kết thúc năm, VN-Index đóng cửa tại mức 892,54 điểm, giảm 9,3% so với cuối năm 2017. Tương tự HNX-Index kết thúc năm đạt 104,2 điểm, giảm 11% và UPCoM-Index đạt 52,8 điểm, giảm 4% so với cuối năm trước.

Vốn hóa thị trường cuối năm 2018 khoảng 4 triệu tỷ đồng, tăng 13,7% so với năm 2017 và đạt 72,3% tổng GDP. Tổng giá trị vốn huy động thông qua IPO và phát hành thêm cổ phiếu đạt khoảng 120.000 tỷ đồng, tăng trưởng 45% so với năm 2017. Trong đó giá trị IPO khoảng 74.000 tỷ đồng, tăng gần 2,5 lần so với năm 2017. Giá trị giao dịch bình quân phiên trên cả 3 sàn năm 2018 đạt khoảng 6.500 tỷ đồng/phiên, tăng 29% so với năm 2017. Tuy nhiên thanh khoản đã có dấu hiệu chững lại vào 6 tháng cuối năm. Cụ thể, giá trị giao dịch bình quân phiên 6 tháng cuối năm giảm, chỉ đạt khoảng 5.000 tỷ đồng/phiên, giảm 37% so với 6 tháng đầu năm (8.100 tỷ đồng).

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 5 NĂM QUA





QUY MÔ VỐN HÓA/GDP

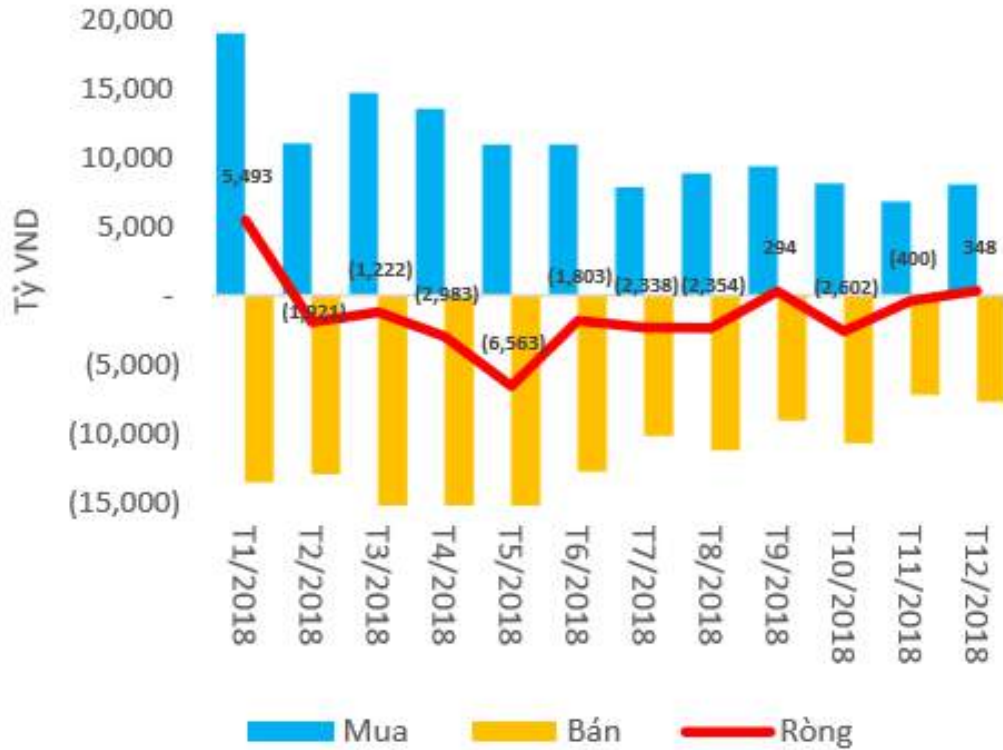


HUY ĐỘNG VỐN TRÊN TTCK



Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng khớp lệnh trên 16.000 tỷ đồng trên cả 3 sàn. Mặc dù vậy, nếu tính cả giao dịch thỏa thuận, NĐTNN vẫn mua ròng tổng cộng trên 44.000 tỷ đồng trong năm 2018, tăng trưởng 51% so với năm 2017.

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI



Bên cạnh đó, thị trường phái sinh năm 2018 cũng diễn ra sôi động với giá trị giao dịch bình quân phiên đạt khoảng 7.500 tỷ đồng/phiên, cao gấp gần 8 lần so với năm 2017. Số hợp đồng phái sinh giao dịch trung bình 1 phiên năm 2018 đạt 78.736 hợp đồng/phiên, cao hơn nhiều mức 10.921 hợp đồng/phiên của năm 2017. Mặc dù vậy, hoạt động giao dịch phái sinh vẫn diễn ra chủ yếu ở các nhà đầu tư cá nhân trong nước với tỷ lệ khoảng 99% giá trị giao dịch.



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2019

Với độ mở lớn cùng tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi các diễn biến kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2019 được dự đoán sẽ đạt được mức khá nhưng khó có thể vượt mức tăng trưởng của năm 2018. Trong đó, các yếu tố về diễn biến thương mại Mỹ - Trung, xu hướng tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương, biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế và giá dầu sẽ tác động đến tăng trưởng tín dụng, tâm lý và kỳ vọng thị trường của nhà đầu tư. Mặc dù vậy, thị trường chứng khoán năm 2019 vẫn được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố:

KINH TẾ TRONG NƯỚC GIỮ ĐƯỢC ĐÀ TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC, TẠO NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN PHÁT TRIỂN.



Các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo: cán cân thanh toán quốc tế thặng dư cao, nợ công và cân đối ngân sách được kiểm soát, đảm bảo các mục tiêu Quốc hội đề ra. Cùng với đó là nội lực các doanh nghiệp nghiêm ýết tiếp tục được củng cố, tạo nền tảng vững chắc cho thị trường chứng khoán 2019 tăng trưởng trở lại.

Cung ứng vốn của thị trường tài chính chuyển biến tích cực theo hướng giảm dần sự phụ thuộc vào khu vực ngân hàng và gia tăng vai trò của thị trường vốn. Mặc dù, xu hướng rút vốn diễn ra tại các nền kinh tế mới nổi, nhưng các nhà đầu tư nước ngoài vẫn mua ròng tại TTCK Việt Nam, thể hiện niềm tin vào thị trường.



HOẠT ĐỘNG THOÁI VỐN, CỔ PHẦN HÓA SẼ THU HÚT DÒNG TIỀN LỚN VÀO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN.

Năm 2019, thị trường sẽ tiếp tục có nhiều thương vụ thoái vốn tại các doanh nghiệp lớn như VGC, ACV, VEA, Lilama, Viglacera... Nhiều doanh nghiệp sẽ thoái vốn trong năm 2019 ở tỷ lệ hấp dẫn như Tổng công ty Thép Việt Nam (58%), Tập đoàn dệt may Việt Nam (53%), Habeco (82%). Nhà đầu tư hoàn toàn có thể kỳ vọng rằng nguồn tiền lớn sẽ quay lại thị trường trong năm 2019. Chính phủ sẽ có các điều chỉnh để tăng tốc tiến độ như hạ giá

chào bán và/hoặc từ bỏ cổ phần kiểm soát trong doanh nghiệp để thu hút các nhà đầu tư. Qua đó, hoạt động thoái vốn nếu sôi động trở lại, cũng sẽ cải thiện tâm lý thị trường, tương tự như các thương vụ IPO của BSR, OIL và POW trong năm 2018. Thị trường chứng khoán chắc chắn sẽ tăng trưởng về quy mô và tạo ra cơ hội lớn cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

TÌNH HÌNH THOÁI VỐN NN	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
SỐ VỤ THOÁI VỐN	1	3	26	75	21	11	18
GIÁ TRỊ (TỶ ĐỒNG)	45	33	428	236	12,388	119,261	13,380

Hàng hóa trên thị trường đa dạng hơn, phát triển công nghệ thông tin, tạo nền tảng cho thị trường phát triển để đáp ứng các yêu cầu nâng hạng thị trường.

Năm 2019, thị trường được dự báo có nhiều thách thức, nhưng có thể kỳ vọng thị trường sẽ chính thức được nâng hạng.

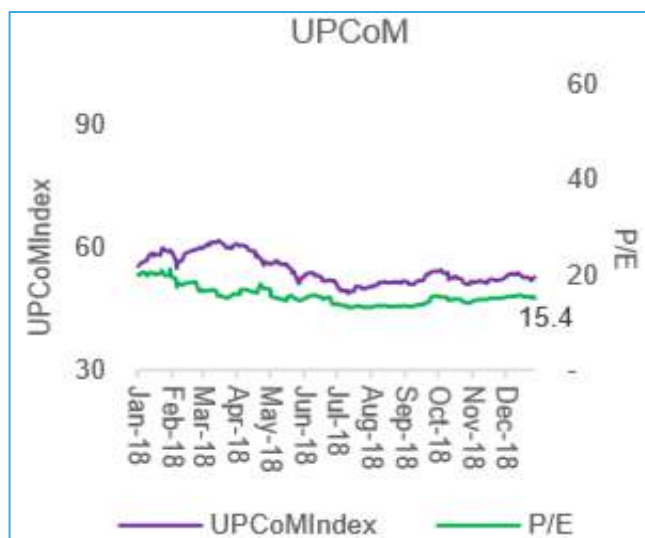
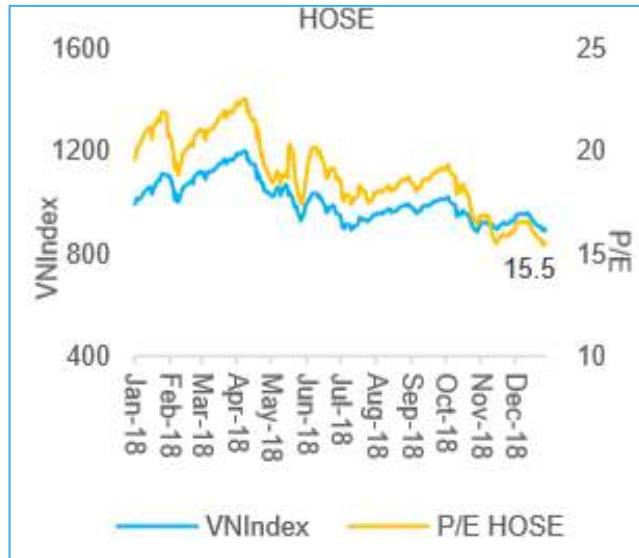
Các sản phẩm chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai trên một số chỉ số mới và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội; sản phẩm chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh sẽ được triển khai, giúp dòng tiền gia nhập thị trường sôi động hơn. Dự kiến vào cuối năm 2019 các sản phẩm được thị trường chờ đợi lâu nay như bán, giao dịch chứng khoán TO... sẽ được ứng dụng, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho nhà đầu tư.



Thị trường chứng khoán Việt Nam đang được định giá tương đối hấp dẫn khi P/E thấp hơn một số nước trong khu vực. Tại thời điểm cuối năm 2018, PE thị trường Việt Nam là 15,5 lần, giảm mạnh từ mức 20 lần trong tháng 4/2018, thấp hơn PE của Philippin (16,79 lần), Ấn Độ (23,66 lần), Malaysia (16,72 lần). Tăng trưởng thu nhập năm 2019 dự báo đạt 18% thấp hơn so với năm 2018 nhưng vẫn ở mức tốt. Do vậy, dư địa tăng của thị trường chứng khoán vẫn còn.

**Thị trường
chứng khoán
Việt Nam
đang ở mức hợp lý**

INDEX VÀ PE NĂM 2018



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

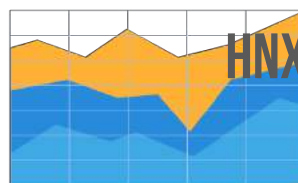
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2018 đánh dấu một bước ngoặt lớn trong chặng đường 10 năm phát triển của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex khi chúng ta chuyển đổi sang mô hình Ngân hàng đầu tư. Với tiềm lực tài chính được củng cố và đội ngũ nhân sự cao cấp, giàu kinh nghiệm, Artex đang không ngừng đa dạng hóa các loại hình dịch vụ và nâng cao chất lượng theo hướng chuyên sâu để đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng. Tuy nhiên, Artex vẫn gặp phải hạn chế về nguồn nhân lực mỏng, mạng lưới cộng tác viên, môi giới chưa mạnh. Công tác tuyển dụng gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt về nhân sự. Do đó, việc bổ sung nhân sự và xây dựng một đội ngũ nhân lực ổn định, có trình độ chuyên môn cao là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2019. Năm 2018, Ban điều hành đã hoàn thành cơ bản ba nhiệm vụ trọng tâm mà Ban Tổng giám đốc và HĐQT giao:

Ngày 28/09/2018, cổ phiếu ART đã chính thức giao dịch trên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội, với giá tham chiếu 8.100 đồng/cổ phiếu, khởi đầu mới cho hành trình cải tổ và định hình mô hình hoạt động theo hướng ngân hàng đầu tư. Đây là một bước tiến mới sau hơn một năm niêm yết trên sàn giao dịch Upcom, thể hiện những nỗ lực của doanh nghiệp trong tiến trình minh bạch hóa nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông.

Trước đó, được sự chấp thuận của ĐHCĐ, Artex đã thực hiện tăng vốn điều lệ thành công từ 310,5 tỷ đồng lên 969,5 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cho cổ đông hiện hữu. Qua đó, Artex đã bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ứng trước và cho vay ký quỹ, đáp ứng yêu cầu vốn để triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh và nâng cao tỷ lệ an toàn tài chính.

Bên cạnh đó, sau khi nhận định các rủi ro có thể xảy ra trước những biến động mạnh của thị trường chứng khoán trong năm 2018, Artex đã thực hiện cơ cấu lại các khoản đầu tư tự doanh. Việc phân bổ lại nguồn vốn tự doanh đã giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư trong bối cảnh thị trường chứng khoán liên tục suy giảm giai đoạn nửa cuối năm 2018.



Chuyển sàn niêm yết cổ phiếu ART từ Upcom sang sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 28/09/2018.



Tăng vốn điều lệ từ 310,5 tỷ lên 969,5 tỷ đồng để bổ sung vốn cho hoạt động dịch vụ chứng khoán (cho vay ứng trước, cho vay ký quỹ), triển khai nghiệp vụ Chứng khoán phái sinh, bổ sung vốn cho hoạt động dịch vụ chứng khoán.



Tiếp tục cơ cấu lại các khoản đầu tư

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

CHỈ TIÊU (TỶ ĐỒNG)	KH 2018	TH 2018	Tỷ lệ hoàn thành KH
DT hoạt động	180	111.1	61.7%
LN trước thuế	120	70.8	59.0%

Năm 2017, ĐHCĐ đã đề ra kế hoạch tổng doanh thu hoạt động là 180 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế kế hoạch 120 tỷ đồng. Tổng kết năm 2018, doanh thu hoạt động đã thực hiện đạt 111,1 tỷ đồng, đạt 61,7% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đã thực hiện đạt 70,8 tỷ đồng, hoàn thành 59% kế hoạch. So với kết quả thực hiện năm 2017 thì doanh thu và lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế năm 2018 giảm lần lượt 28%, 33,3% và 37,4%.

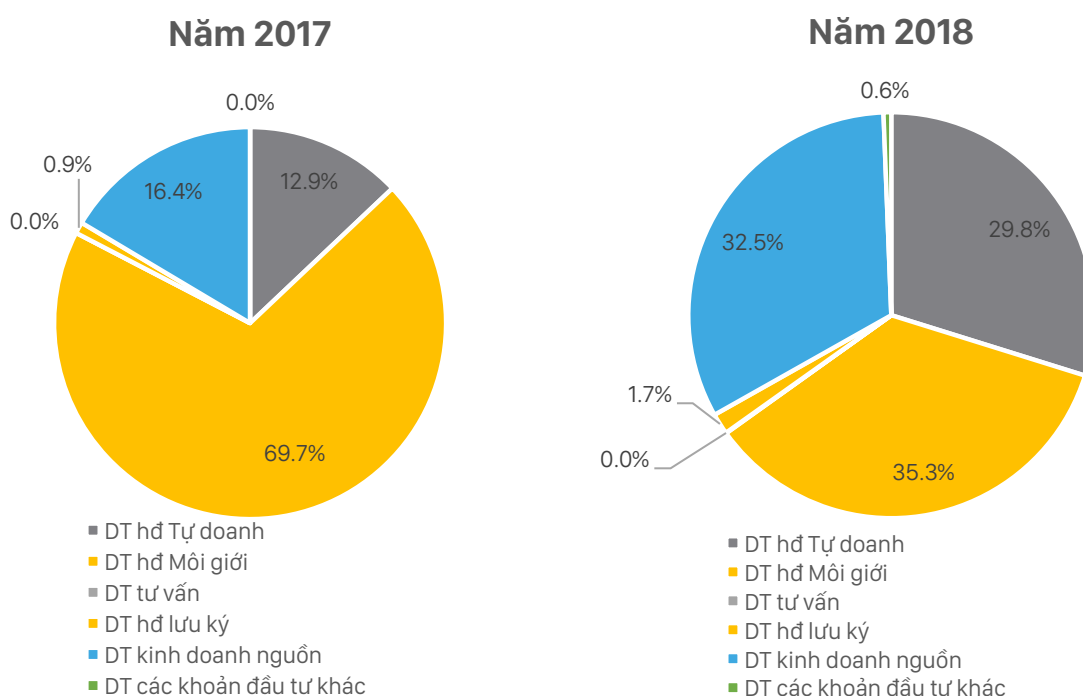
CHỈ TIÊU (TỶ ĐỒNG)	NĂM 2017	NĂM 2018	TĂNG TRƯỞNG %
DT hoạt động	154.2	111.1	-28.0%
LN trước thuế	106.1	70.8	-33.3%
LN sau thuế	88.0	55.1	-37.4%

Doanh thu năm 2018 giảm so với năm 2017 chủ yếu là do doanh thu môi giới giảm. Doanh thu môi giới năm 2018 đạt 39,2 tỷ đồng, giảm 63,5% so với năm 2017. Sự sụt giảm về doanh thu môi giới một phần là do thị trường chứng khoán 2018 xuất hiện nhiều biến động bất lợi. VN-Index giảm từ mức đỉnh 1.211 điểm về đáy 888 điểm (tương đương mức giảm 26,67%) khiến tâm lý nhà đầu tư thận trọng hơn. Giá trị giao dịch toàn thị trường liên tục sụt giảm trong quý II và quý III. Diễn biến này đã ảnh hưởng đến doanh thu môi giới của Artex.

- Hoạt động môi giới: Mặc dù, doanh thu từ hoạt động môi giới năm 2018 giảm so với năm 2017 nhưng đã có những bước tiến mới trong việc nâng cao chất lượng các tiện ích giao dịch, hỗ trợ cho khách hàng. Cùng với việc đẩy mạnh hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Artex đã khai thác tối đa các khách hàng tiềm năng tại các doanh nghiệp thực hiện Tư vấn cổ phần hóa, Tư vấn niêm yết. Qua đó, từng bước gia tăng thị phần môi giới.
- Hoạt động tự doanh và đầu tư: Danh mục tự doanh của Artex chủ yếu là các cổ phiếu đã được niêm yết trên sàn. Trong năm, Artex đã tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư doanh để giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh thị trường liên tục sụt giảm trong giai đoạn nửa cuối năm 2018. Nhờ đó, hoạt động tự doanh đem lại khoản lãi hơn 9 tỷ đồng.
- Dịch vụ chứng khoán: Với phương châm lấy khách hàng là trọng tâm, Artex luôn không ngừng cải thiện chất lượng các dịch vụ chứng khoán, chú trọng đào tạo, nâng cấp đạo đức nghề nghiệp, trí thức chuyên môn, kỹ năng chăm sóc khách hàng cho nhân viên. Nhờ đó, trong năm không phát sinh sự cố, sai sót cho khách hàng giao dịch. Bên cạnh đó, Artex cũng đã tổ chức thành công giải Golf Artex thường niên lần thứ 3; tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu sản phẩm mới, cơ hội đầu tư mới trên thị trường.

- Tư vấn, phân tích đầu tư: Các sản phẩm phân tích đa dạng và phong phú hơn, bám sát diễn biến thị trường, giúp khách hàng và nhà đầu tư tiếp cận các thông tin thị trường kịp thời, nhanh chóng và toàn diện. Bên cạnh đó, hoạt động Tư vấn đầu tư, Tư vấn tài chính doanh nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh. Trong đó, hoạt động Tư vấn tài chính doanh nghiệp được xác định là dịch vụ mang tính chiến lược trong định hướng phát triển của Artex. Mặc dù mới được triển khai trong quý IV/2018, nhưng Artex đã tư vấn niêm yết thành công cho Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà. Ngoài ra, Artex cũng đang thực hiện tư vấn cổ phần hóa cho các doanh nghiệp thuộc tỉnh Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Giang, SCIC, Tổng Công ty UDIC, các đơn vị thuộc Bộ Quốc Phòng...
- Quản trị rủi ro: Hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro đã kịp thời giám sát hoạt động nghiệp vụ; giám sát tỷ lệ an toàn tài chính, đảm bảo hoạt động ổn định và lành mạnh về tài chính. Do vậy, trong năm Artex gần như không phát sinh thiệt hại tài chính cho khách hàng và công ty.
- Công nghệ thông tin: Artex đã đầu tư thêm 8 tỷ nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, các tiện ích giao dịch cho khách hàng. Trong năm, Công ty đã mở gói thầu "Mua sắm phần mềm giao dịch chứng khoán" với tổng mức đầu tư dự kiến là 15 tỷ đồng, để phục vụ cho việc phát triển nghiệp vụ chứng khoán phái sinh trong năm 2019.
- Nhân sự: Công ty tiếp tục thực hiện tuyển dụng nhân sự có trình độ chuyên môn cao, có tâm với nghề. Bên cạnh đó, Artex liên tục mở các lớp đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng cán bộ quản lý, bổ sung chứng chỉ hành nghề cho toàn thể cán bộ. Các hoạt động tập thể như teambuilding, nghỉ mát...thường xuyên được tổ chức để tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, gắn bó, tăng tính đoàn kết giữa các thành viên.

CƠ CẤU DOANH THU THEO BỘ PHẬN



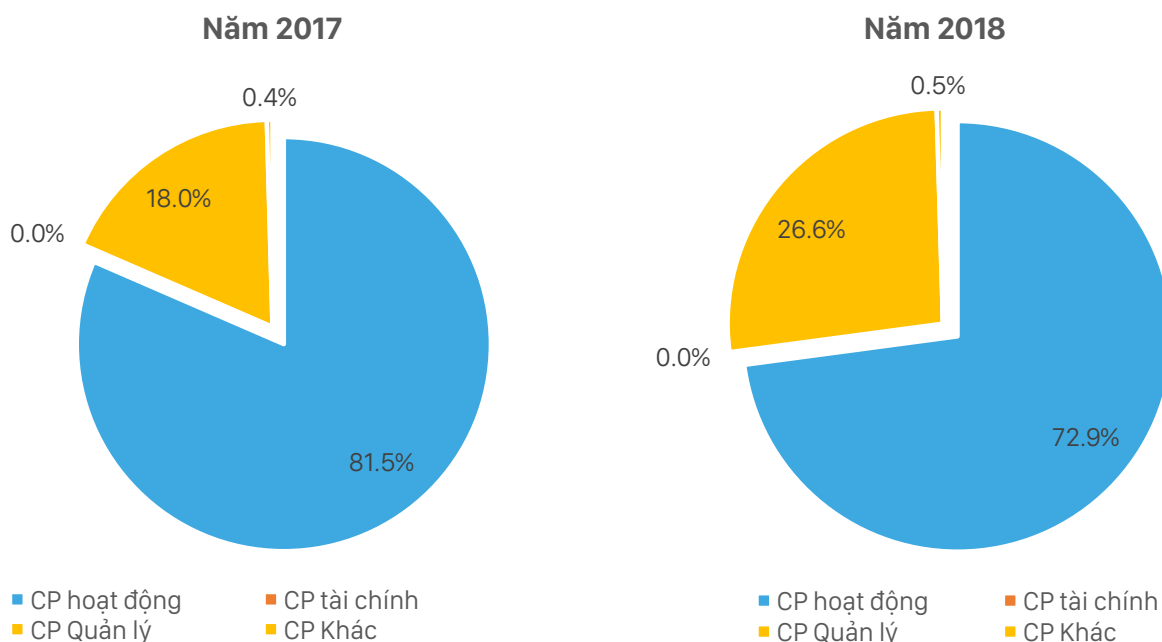
Doanh thu của Artex chủ yếu đến từ ba hoạt động chính là hoạt động môi giới, hoạt động kinh doanh nguồn và hoạt động tự doanh. Cơ cấu doanh thu từ các hoạt động có sự thay đổi rõ rệt trong năm 2018. Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động môi giới giảm từ 69,7% năm 2017 xuống còn 35,3% trong năm 2018. Trong khi đó, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn và hoạt động tự doanh tăng lên đáng kể.

TÌNH HÌNH CÔNG NỢ, KHẢ NĂNG THANH TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2017	31/12/2018
Tổng nợ/Nguồn vốn	7.7%	3.0%
Khả năng thanh toán ngắn hạn	13.9	37.3
Chỉ tiêu an toàn tài chính	1214,05%	845.29%

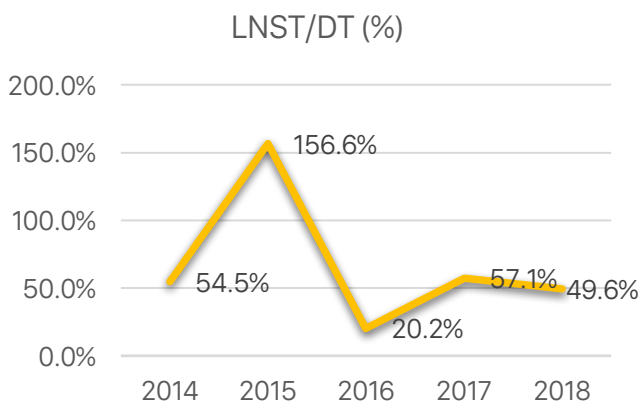
Tỷ lệ nợ phải trả/nguồn vốn của Artex ở mức thấp so với trung bình ngành. Artex không có các khoản nợ vay ngắn hạn và dài hạn. Do vậy, Artex không phát sinh các khoản chi phí lãi vay và luôn chủ động về vốn trong hoạt động kinh doanh.

CƠ CẤU CHI PHÍ



Chi phí hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Artex với tỷ lệ 72,9%, chi phí quản lý chiếm 26,6%, chi phí khác chiếm 0,5%. Do không có khoản vay nợ nên Artex không phát sinh khoản chi phí tài chính. Chi phí quản lý năm 2018 tăng mạnh chủ yếu do các khoản chi trả lương tăng lên. Trong quý III và IV năm 2018, Artex đã đẩy mạnh hoạt động tuyển dụng nhân sự để đáp ứng yêu cầu về phát triển nghiệp vụ mới theo mô hình ngân hàng đầu tư.

KHẢ NĂNG SINH LỜI



Tỷ suất lãi thuần năm 2018 đạt 49,6%, thấp hơn mức 57,1% trong năm 2017, do chi phí năm 2018 tăng. Tuy nhiên, đây vẫn là tỷ lệ tương đối cao trong ngành.

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2019

Triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

Artex đang từng bước hoàn thiện quy trình nghiệp vụ và hồ sơ xin cấp phép triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh lên UBCK NN. Hệ thống phần mềm phục vụ cho nghiệp vụ mới đã được HĐQT phê duyệt đối tác cung cấp và đang trong quá trình chạy test phần mềm. Dự kiến giữa năm 2019, sau khi được UBCK cấp phép nghiệp vụ chứng khoán phái sinh sẽ được triển khai.

- Công nghệ hiện đại: Hệ thống giao dịch được phát triển trên mọi nền tảng Windows, Unix, Linux đến các nền tảng di động như Android, IOS... với tốc độ xử lý nhanh, quản trị rủi ro tốt và tính mở của hệ thống rất cao. Khách hàng có thể dễ dàng đặt lệnh mua, bán, lệnh điều kiện, lệnh chốt lời cắt lỗ, bảng tổng kết tài sản...Đồng thời phát triển hệ thống quản lý tài khoản, phòng ngừa rủi ro tự động.
- Xác định thị phần: Artex đối mặt với tình trạng cạnh tranh khá gay gắt trên thị trường chứng khoán phái sinh. Với nền tảng công nghệ hiện đại, dịch vụ chuyên nghiệp, Artex đặt mục tiêu chiếm 1,5% thị phần trên thị trường phái sinh.





Mở rộng thị phần, lấy khách hàng cá nhân làm trọng tâm

Tiêu chuẩn hóa, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ trực tuyến - Mở rộng mạng lưới cộng tác viên, môi giới - Quảng bá, chương trình thúc đẩy bán hàng → Mở rộng thị phần

Tiêu chuẩn hóa, đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ trực tuyến: Artex nỗ lực đem đến cho khách hàng các sản phẩm phân tích đa dạng và toàn diện, giúp nhà đầu tư có thể dễ dàng cập nhật nhanh chóng và đầy đủ sản phẩm trên Website công ty và qua các trang tin liên kết. Việc triển khai nghiệp vụ chứng khoán phái sinh trong năm 2019 được kỳ vọng sẽ đem lại cho khách hàng những giá trị gia tăng mới trong hoạt động đầu tư. Cùng với đó, sự cải thiện hạ tầng công nghệ thông tin giúp khách hàng có những trải nghiệm tốt nhất khi sử dụng các dịch vụ trực tuyến.





Mở rộng mạng lưới cộng tác viên, môi giới: Năm 2019, Artex sẽ tiếp tục bổ sung thêm cán bộ môi giới và cộng tác viên với mục tiêu gia tăng số lượng tài khoản khách hàng lên **10.000** tài khoản.

Quảng bá, chương trình thúc đẩy bán hàng: Artex sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình quảng bá, thúc đẩy bán hàng, tạo dựng hình ảnh về một doanh nghiệp hoạt động chuyên nghiệp - năng động - trách nhiệm.

Phát triển hoạt động Ngân hàng đầu tư: đẩy mạnh dịch vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Tư vấn mua bán và sáp nhập, xây dựng năng lực Tư vấn bảo lãnh phát hành và khả năng tạo lập thị trường. Xác định khách hàng mục tiêu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp Nhà nước đang có kế hoạch thoái vốn, cổ phần hóa trong năm 2019.

Các hoạt động hỗ trợ

- Hoạt động phát triển nguồn nhân lực
 - Duy trì các hoạt động đào tạo chuyên môn nội bộ và khách hàng thông qua các lớp học cơ bản đến nâng cao về thị trường chứng khoán cơ sở và thị trường chứng khoán phái sinh
 - Tổ chức các hoạt động teambuilding, tạo sự gắn kết giữa các thành viên
- Hoạt động phân tích:
 - Hoàn thiện đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm
 - Cung cấp các sản phẩm mới bám sát với nhịp đập thị trường, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng
 - Nâng cao chất lượng các báo cáo, phát hành các bản báo cáo bằng tiếng Anh phục vụ các đối tượng khách hàng là người nước ngoài

Chuyển trụ sở làm việc về 265 Cầu Giấy: Theo kế hoạch ban đầu, Công ty sẽ chuyển trụ sở sang Tháp đôi FLC, số 265 Cầu Giấy trong quý II hoặc quý III/2018. Tuy nhiên, do chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng nên thời gian chuyển trụ sở làm việc phải lùi lại sang quý I/2019.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM TÀI CHÍNH 2018

TỔNG QUAN

Sau khi tăng vốn điều lệ thành công lên 969,2 tỷ đồng, Artex đã bước đầu khắc phục những khó khăn về nguồn vốn hạn hẹp. Đây cũng là một trong những điều kiện tiên quyết để Artex triển khai thêm nghiệp vụ Chứng khoán Phái sinh. Tuy nhiên, Artex gặp phải hạn chế lớn nhất là nhân sự mỏng, phạm vi hoạt động chưa rộng, mới chỉ tập trung ở 3 nghiệp vụ cơ bản là Môi giới, Tư vấn và Đầu tư. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Điều hành Công ty thực hiện các giải pháp lớn:

- Bổ sung nhân sự có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển mở rộng và chuyên sâu các nghiệp vụ mới;
- Cải tiến quy trình nghiệp vụ, sản phẩm, dịch vụ và tiện ích giao dịch cho khách hàng.
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, an toàn tài chính, tuân thủ các quy định của UBCK, Sở giao dịch.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao thương hiệu, hình ảnh công ty và phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ phát triển khách hàng mới.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC ĐHCĐ GIAO

Về kế hoạch kinh doanh: Năm 2018, công ty hoàn thành 61,7% kế hoạch doanh thu và 59% kế hoạch lợi nhuận ĐHCĐ giao. Sự suy giảm của thị trường chứng khoán trong giai đoạn cuối quý II, quý III và quý IV đã khiến thanh khoản toàn thị trường sụt giảm. Trong khi, nguồn doanh thu chính của Artex đến từ hoạt động môi giới và kinh doanh nguồn (cho vay ký quỹ) nên diễn biến này đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu từ hoạt động môi giới, tổng doanh thu và lợi nhuận của Artex.

Nhận thấy rõ việc cần phải đa dạng hóa nguồn doanh thu và lợi nhuận, Artex đã thực hiện tăng vốn điều lệ thành công từ 310,5 tỷ lên 969,2 tỷ đồng để phát triển thêm nghiệp vụ mới là nghiệp vụ Chứng khoán phái sinh và bổ sung vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ, phát triển thêm nghiệp vụ Tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, việc đưa cổ phiếu ART chính thức giao dịch trên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội thể hiện những nỗ lực của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong tiến trình công khai hóa, minh bạch hóa doanh nghiệp, tạo điều kiện cho cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt nhất các quyền và nghĩa vụ của mình.



Các chỉ tiêu về an toàn trong hoạt động luôn được đảm bảo, các khoản công nợ phải thu khó đòi, nợ xấu được kiểm soát ở mức thấp. Dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ.

Về công tác quản trị rủi ro: Trong năm 2018 không phát sinh các khoản công nợ tồn đọng lớn, không phát sinh các sự cố, thất thoát, thiệt hại liên quan đến khâu thanh toán bù trừ, giao dịch chứng khoán. Đã tiến hành cơ cấu lại các khoản đầu tư để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Nâng cao chất lượng dịch vụ: Chất lượng dịch vụ không ngừng được cải thiện thông qua các hoạt động Tư vấn đầu tư, khuyến nghị chuyên sâu, nâng cấp hệ thống giao dịch trực tuyến, tổ chức các buổi thị sát doanh nghiệp đầu tư...

Công tác nhân sự: Công ty đã thực hiện bổ nhiệm các vị trí chủ chốt cấp phòng, ban, tăng cường tuyển dụng nhân sự cho các nghiệp vụ mới, đồng thời vẫn thực hiện đào tạo tại chỗ, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo quy định của Ủy ban Chứng khoán, định kỳ 6 tháng, HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ các Báo cáo tình hình quản trị gửi UBCK và các Sở, đồng thời đăng công khai trên Website của Công ty, qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty.

Công tác chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát hoạt động của Ban điều hành

- HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo quy định của Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- Ban Điều hành và cán bộ chủ chốt đã thực hiện đúng và đầy đủ trong phạm vi quyền hạn của mình. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự và đúng quy định của Điều lệ Công ty.
- HĐQT luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro, chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình, quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019

Năm 2019, thị trường chứng khoán được kỳ vọng nâng hạng và đón dòng vốn đầu tư nước ngoài với quy mô lớn. Tiến trình cơ cấu lại DN nhà nước và cổ phần hóa tiếp tục được đẩy mạnh sẽ giúp thị trường giao dịch sôi động hơn. Hay việc đưa các sản phẩm mới vào giao dịch như Chứng quyền có đảm bảo, hợp đồng tương lai trên một số chỉ số mới và hợp đồng tương lai trái phiếu...là những điểm mới, được kỳ vọng sẽ tăng thêm tính hấp dẫn cho thị trường chứng khoán năm 2019. Bên cạnh những yếu tố tích cực, thị trường cũng đối mặt với những thách thức như sự suy thoái kinh tế toàn cầu, ảnh hưởng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, xu hướng tăng lãi suất của các ngân hàng trung ương...

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị xác định doanh thu mục tiêu **150 tỷ** đồng, lợi nhuận **trước thuế 90 tỷ** đồng là mức hợp lý. Để phục cho việc phát triển nghiệp vụ Chứng khoán Phái sinh, Công ty sẽ phải nâng cấp hệ thống phần mềm và bổ sung thêm nhân sự thiếu hụt ở các bộ phận nghiệp vụ. Dự kiến, 6 tháng cuối năm 2019, nghiệp vụ Chứng khoán phái sinh sẽ được triển khai. Do vậy, chi phí đầu tư giai đoạn đầu sẽ ở mức cao, trong khi doanh thu chưa thể tăng bù đắp chi phí trong thời gian ngắn từ nghiệp vụ mới. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị cũng yêu cầu Ban Điều hành cần khai thác tối đa cơ hội thị trường, không ngừng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, phục vụ tốt nhất nhu cầu thị trường, linh hoạt trong sử dụng nguồn sẵn có để tăng hiệu quả kinh doanh.

Để đạt được các mục tiêu trên, HĐQT xác định định hướng hoạt động cụ thể như sau:

- Cùng Ban Điều hành đưa ra các giải pháp cân đối nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, ưu tiên vốn hỗ trợ hoạt động môi giới và dịch vụ chứng khoán.
- Hỗ trợ công tác đầu tư cơ sở vật chất, chuyển trụ sở văn phòng, đầu tư hệ thống CNTT phục vụ cho nghiệp vụ Chứng khoán Phái sinh.
- Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ nhân sự phù hợp và tương đương mức bình quân ngành cho khối phát triển thị trường để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao. Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung nhân sự chủ chốt, nhân sự Ban điều hành.
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, an toàn tài chính, tuân thủ các quy định của UBCK, Sở giao dịch.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao thương hiệu, hình ảnh của công ty.

HĐQT rất mong nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ cũng như tâm huyết của Quý Cổ đông.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG - DÀI HẠN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex là trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán tại Việt Nam.

Dựa trên nguyên tắc phát triển An toàn - Linh hoạt - Hiệu quả, định hướng phát triển của chúng tôi gồm:

- Phát triển sản phẩm, dịch vụ truyền thống, đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm, giải pháp tài chính sáng tạo theo mô hình ngân hàng đầu tư;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, tiên tiến, đảm bảo tương thích và giao dịch thông suốt, chú trọng nâng cấp hệ thống giao dịch từ xa Home-Trading và Web-Trading;
- Xây dựng cơ chế quản lý rủi ro chặt chẽ và hiệu quả: bám sát đặc điểm vận động của thị trường ở các chu kỳ và giai đoạn phát triển khác nhau;
- Xây dựng mối quan hệ mật thiết và rộng lớn với các Công ty chứng khoán, các tổ chức tài chính tín dụng trong và ngoài nước, sẵn sàng hợp tác và chia sẻ vì lợi ích khách hàng;
- Nhân sự tinh gọn, chất lượng cao và định hướng hiệu quả công việc. Không ngừng đào tạo nâng cao trình độ nhân viên, xây dựng và công bố minh bạch cơ chế thưởng phạt căn cứ trên kết quả kinh doanh;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trẻ, nhiệt huyết và thân thiện, gắn bó và tương trợ;
- Xây dựng hình ảnh thương hiệu chuyên nghiệp, tích cực tham gia các hoạt động mang tính cộng đồng để quảng bá hình ảnh về một tổ chức thân thiện, đáng tin cậy.



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2019

Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại, chiến tranh thương mại chưa chấm dứt, biến động tỷ giá, lãi suất trên thị trường tài chính gia tăng, nền kinh tế Việt Nam năm 2019 sẽ đối mặt với nhiều nguy cơ và thách thức. Tăng trưởng kinh tế 2019 được dự báo thấp hơn năm 2018. Trong ngắn hạn, nền kinh tế Việt Nam cần phải đảm bảo lạm phát ở mức mục tiêu, giữ tăng trưởng tín dụng không quá mạnh, tăng cường cân đối các khu vực tài chính...Do vậy, thị trường chứng khoán trong nước sẽ xuất hiện nhiều diễn biến phức tạp. Đà tăng mạnh sẽ khó được duy trì như giai đoạn đầu năm 2018.

Trên cơ sở đó, Ban Điều hành xác định mục tiêu dài hạn là phát triển và mở rộng thị phần dựa trên ưu tiên đầu tư có trọng tâm vào nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, công nghệ, quy trình nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ có chất lượng cho nhà đầu tư với mức phí cạnh tranh. Việc định hình theo mô hình ngân hàng đầu tư dựa trên nền tảng vốn và quản trị rủi ro chuyên nghiệp sẽ đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường và nhà đầu tư. Để thực hiện được các mục tiêu trên, Ban Điều hành xác định các mục tiêu cụ thể của năm 2019:

- Mở rộng quy mô nhân sự, kiện toàn bộ máy hoạt động, quy trình nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu về cung cấp các sản phẩm, tiện ích giao dịch mới, trong đó có nghiệp vụ Chứng khoán Phát sinh, phát hành chứng quyền có đảm bảo.
- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và hệ thống giao dịch đảm bảo việc vận hành các nghiệp vụ mới.
- Phát triển các nghiệp vụ định hướng theo mô hình ngân hàng đầu tư, đem đến cho khách hàng các sản phẩm đa dạng, chuyên sâu và toàn diện. Hoàn thiện đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm thực tế theo chuẩn mực quốc tế trong các nghiệp vụ tư vấn bảo lãnh, phát hành chứng khoán, tư vấn M&A...

Năm 2019 được coi là năm bản lề đánh dấu bước đổi mới toàn diện, tạo tiền đề và động lực cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Artex. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019 được đề ra như sau:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2019 (TỶ VNĐ)	THỰC HIỆN NĂM 2018 (TỶ VNĐ)	KH 2018 SO VỚI THỰC TẾ 2017 (%)
Doanh thu	150	111,1	35 %
Chi phí	60	40,3	48,9 %
Lợi nhuận trước thuế	90	70,8	27,1%

Để thực hiện các mục tiêu trên, Ban Điều hành đưa ra các giải pháp thực hiện như sau:

- Cân đối lại nguồn vốn, ưu tiên tối đa nguồn vốn hỗ trợ hoạt động môi giới, dịch vụ chứng khoán
- Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ nhân sự phù hợp, tương đương với mình bình quân ngành cho khối phát triển thị trường
- Mở rộng mạng lưới cộng tác viên, môi giới đi kèm với việc đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ
- Củng cố mối quan hệ với các định chế tài chính, các tổ chức niêm yết, đại chúng và chưa niêm yết để phát triển thị trường.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX xác định việc gắn liền hoạt động kinh doanh với các hoạt động xã hội là trách nhiệm, đạo đức và cũng là nền tảng văn hóa của Công ty. Chúng tôi tin rằng, để góp phần phát triển ngành nghề chứng khoán trước hết phải thúc đẩy môi trường làm việc tích cực và cổ vũ cho lối sống tích cực của đội ngũ nhân viên trong công việc, trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong bước đường sự nghiệp của họ sau này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX xác định chiến lược phát triển dựa trên nền tảng kiến thức chuyên môn và năng lực của đội ngũ cán bộ. Vì vậy, Công ty không ngừng tăng cường công tác đào tạo, phát triển và nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên, đồng thời chú trọng đầu tư chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần để tạo động lực và cơ hội cho nhân viên phát huy hết khả năng, phát triển bản thân và cống hiến cho Công ty.

Trách nhiệm đối với ngành chứng khoán

Với mục tiêu phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính, chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex cũng tích cực hỗ trợ và nâng cao kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm cho cộng đồng các nhà đầu tư, thông qua các bài viết trên website và các hoạt động giao lưu, xây dựng mối quan hệ gắn kết giữa cộng đồng nhà đầu tư với các doanh nghiệp, đơn vị thành viên thị trường và cơ quan quản lý.

Công ty cổ phần Chứng khoán Artex cũng sẵn sàng chia sẻ, đóng góp không chỉ những ý kiến và phản biện với tư cách là một thành viên thị trường, mà còn là trung gian tiếp nhận và phản hồi tiếng nói của nhà đầu tư với các cơ quan chức năng, góp phần đưa thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng phát triển. Chúng tôi thường xuyên chủ động đóng góp kiến thức với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sàn giao dịch và VSD, trong việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và phát triển các sản phẩm mới trong tương lai.



XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Trách nhiệm với cộng đồng

Chúng tôi nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường con người và xã hội Việt Nam. Các hoạt động bảo vệ môi trường, thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong xã hội đã trở thành nét đẹp hóa của Công ty trong các năm qua.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017; Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 26/4/2018; Giấy phép điều chỉnh số 73/GPĐC-UBCK ngày 06/9/2018; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ lên 969.225.090.000VND. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

**Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018:
969.225.090.000 VND.**

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

Các đơn vị trực thuộc :

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Gian phòng số 2, tầng 18, tòa nhà Saigon Centre, Giai đoạn 2, số 65 Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	
Bà Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2018
Ông Lê Bá Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2018
Bà Tống Hải Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Bà Nguyễn Quỳnh Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018
Ông Lê Tiến Đông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Thanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2018
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2018
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2018
Ông Nguyễn Ngô Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2018
		Miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2018
Ông Lê Tiến Đông	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 04 năm 2018
		Miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	
Bà Vũ Thị Bích Hồng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Ông Trương Vi Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Bà Hà Sâm Định	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
		Từ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Xác nhận của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ban Tổng giám đốc đảm bảo rằng tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được đánh giá và trình bày trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực và hợp lý theo đúng quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Nguyễn Quỳnh Anh

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số : 0507.01.04/2018/NVT2-BCTC
Ngày : 20 tháng 3 năm 2019
Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được lập ngày 20 tháng 03 năm 2019 được trình bày từ trang 06 đến trang 18 đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên




Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT	
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
 	
<hr/> Nguyễn Thị Hạnh GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1	<hr/> Nguyễn Anh Tú GCNĐKHNKT số: 1482-2018-124-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

Số: 36/2019/BC-Artex

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2018

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Quách Thị Xuân Thu

Bộ phận Kiểm soát nội bộ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thanh Thanh



Nguyễn Quỳnh Anh

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VỐN KHẢ DỤNG	KHOẢN GIẢM TRỪ	KHOẢN TĂNG THÊM
		(1)	(2)	(3)
A	Vốn chủ sở hữu			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	969.225.090.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	(219.330.000)		
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn			
5	Vốn khác của chủ sở hữu	524.623.997		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.621.349.970		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	4.160.705.713		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	599.986.739		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	71.239.884.437		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	29.109.134.986		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính			
16	Vốn khác (nếu có)			
1A	TỔNG	1.078.261.445.842		

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VỐN KHẢ DỤNG (1)	KHOẢN GIẢM TRỪ (2)	KHOẢN TĂNG THÊM (3)
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tài sản tài chính		29.018.847.486	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính) - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		29.018.847.486	
11	Phải thu nội bộ - Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VỐN KHẢ DỤNG (1)	KHOẢN GIẢM TRỪ (2)	KHOẢN TĂNG THÊM (3)
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
II	Tài sản ngắn hạn khác		525.499.867	
	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
1	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		290.032.727	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
7	Tài sản ngắn hạn khác		235.467.140	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
1B	TỔNG		29.544.347.353	
C	Tài sản dài hạn			
I	Tài sản tài chính dài hạn			
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
2	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
3				
2	Đầu tư dài hạn khác			
4				
II	Tài sản cố định		8.511.737.351	
III	Bất động sản đầu tư			

STT	NỘI DUNG	VỐN KHẢ DỤNG		
		VỐN KHẢ DỤNG (1)	KHOẢN GIẢM TRỪ (2)	KHOẢN TĂNG THÊM (3)
IV	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
V	Tài sản dài hạn khác		50.262.818.596	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn			
2	Chi phí trả trước dài hạn		152.939.134	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		8.180.897.262	
5	Tài sản dài hạn khác		41.928.982.200	
VI	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng		58.774.555.947	
D	Tài khoản ký quỹ đảm bảo			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)			
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			
1D	Tổng			
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C-1D			989.942.542.542	

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

(Đơn vị tính: đồng)

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

CÁC HẠNG ĐẦU TƯ		Hệ số rủi ro (%) (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3)=(1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0	124.672.164.577	-
2	Các khoản tương đương tiền	0		
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0	500.000.000.000	-
II. Trái phiếu Chính phủ				
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0		
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định phiếu			
	Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3		
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20		
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35		
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40		

CÁC HẠNG ĐẦU TƯ		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1) x (2)
IV. Cổ phiếu				
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10	163.929.206.582	16.392.920.658
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15	1.679.335.900	251.900.385
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20		
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30		-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50	110.000.000	55.000.000
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10		
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40		
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50		
VII. Chứng khoán phái sinh				
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8		
<p>Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày - giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán).</p> <p>Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.</p>				
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3		
<p>Cách tính: Giá trị rủi ro = (Giá trị thanh toán cuối ngày - giá trị chứng khoán mua vào để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán hợp đồng tương lai) x hệ số rủi ro của hợp đồng tương lai - Giá trị ký quỹ (phần đóng góp vào quỹ bù trừ đối với vị thế mở của công ty chứng khoán).</p> <p>Giá trị thanh toán cuối ngày = Giá thanh toán cuối ngày x khối lượng mở.</p>				

CÁC HẠNG ĐẦU TƯ		Hệ số rủi ro (%) (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3)=(1) x (2)
VIII.	Chứng khoán khác			
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80		
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25		
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100		
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8		
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10		
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành			
	Cách tính: Giá trị rủi ro = $(P_0 \times Q_0 \times k - P_1 \times Q_1) \times R - MD$			
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm			

IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)

MÃ CHỨNG KHOÁN	MỨC TĂNG THÊM	QUY MÔ RỦI RO	GIÁ TRỊ RỦI RO	
1	ROS (Tổng giá trị đầu tư vào mã ROS chiếm từ 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của Công ty)	10%	14.127.388.560	1.412.738.856
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX):			18.112.559.899	

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

Đơn vị tính: đồng

Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)

30.000.000.000

Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)

-

Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 3)

9.000.000.000

Tổng giá trị rủi ro thanh toán

39.000.000.000

1. RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN (THUYẾT MINH 1)

LOẠI HÌNH GIAO DỊCH	HỆ SỐ RỦI RO (%)		GIÁ TRỊ RỦI RO (VND)				TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO
	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1 Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác					30.000.000.000		30.000.000.000
2 Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
3 Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
4 Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
5 Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN							30.000.000.000

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:

TT	ĐỐI TÁC THANH TOÁN CHO CÔNG TY	HỆ SỐ RỦI RO THANH TOÁN
(1)	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;	0%
(2)	Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán	0,8%

TT	ĐỐI TÁC THANH TOÁN CHO CÔNG TY	HỆ SỐ RỦI RO THANH TOÁN
(3)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
(4)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
(5)	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
(6)	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

2. RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN (THUYẾT MINH 2)

TT	THỜI GIAN QUÁ HẠN	HỆ SỐ RỦI RO (%)	QUY MÔ RỦI RO	GIÁ TRỊ RỦI RO
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16		
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32		
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48		
4	Từ 60 ngày trở đi	100		
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				

3. RỦI RO TĂNG THÊM (THUYẾT MINH 3)

TT	CHI TIẾT TỚI TỪNG ĐỐI TÁC	HỆ SỐ RỦI RO (%)	QUY MÔ RỦI RO	GIÁ TRỊ RỦI RO
1	Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông kỳ hạn 7 tháng (giá trị hợp đồng tiền gửi chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu của Công ty)	30%	30.000.000.000	9.000.000.000
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				9.000.000.000

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG.

(Đơn vị tính: đồng)

TT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	74.723.599.277
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 1)	21.074.592.509
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	53.649.006.768
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	13.412.251.692
V	20% Vốn pháp định của công ty chứng khoán	60.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max {IV, V})		60.000.000.000

1. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHỎI TỔNG CHI PHÍ

(Đơn vị tính: đồng)

Chi phí khấu hao	1.672.996.274
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	19.614.185.944
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(212.589.709)
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	-

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

TT	CÁC CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ RỦI RO/ VỐN KHẢ DỤNG	GHI CHÚ
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	18.112.559.899	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	39.000.000.000	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	117.112.559.899	
5	Vốn khả dụng	989.942.542.542	
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	845,29%	

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Quách Thị Xuân Thu

Bộ phận Kiểm soát nội bộ
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thanh Thanh



Nguyễn Quỳnh Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC- UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017; Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 26/4/2018; Giấy phép điều chỉnh số 73/GPĐC-UBCK ngày 06/9/2018; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ lên 969.225.090.000VND. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

**Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018:
969.225.090.000 VND.**

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Mã số thuế : 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

Các đơn vị trực thuộc :

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Gian phòng số 2, tầng 18, tòa nhà Saigon Centre, Giai đoạn 2, số 65 Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc kỳ kế toán (từ trang 07 đến trang 37)

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, Công ty được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận số 33/GCN- UBCK về việc đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện chào bán và phát hành 114.885.000 cổ phiếu ra công chúng gồm: 108.675.000 cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu và phát hành 6.210.000 cổ phiếu để trả cổ tức. Ngày 24/9/2018 Công ty nhận được công văn số 6538/UBCK-QLKD của UBCKNN về việc xác nhận kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng 59.662.526 cổ phiếu tương đương số tiền là 596.625.260.000 đồng. Ngày 31/10/2018 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày về việc tăng vốn điều lệ lên 969.225.090.000 VND. Số tiền thu được từ việc tăng vốn ngày 24/9/2018 trên Công ty đang sử dụng để đầu tư chứng khoán tự doanh, trong đó đầu tư mã chứng khoán ROS với giá trị 129 tỷ (lớn hơn 10% giá trị tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2018), bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh và gửi ngân hàng 500 tỷ đồng. Công ty hiện đang chuẩn bị các điều kiện về hệ thống công nghệ và tiến hành các hồ sơ thủ tục để xin cấp phép thêm hoạt động kinh doanh lĩnh vực chứng khoán phái sinh.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, Cổ phiếu ART của Công ty chuyển niêm yết lên sàn HNX.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	
Bà Hương Trần Kiều Dung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2018
Ông Lê Bá Nguyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2018
Bà Tống Hải Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Bà Nguyễn Quỳnh Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018
Ông Lê Tiến Đông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thanh Thanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**HỌ VÀ TÊN****CHỨC VỤ**

Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2018
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2018
Bà Trịnh Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2018
Ông Nguyễn Ngô Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2018
Ông Lê Tiến Đông	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 04 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT**HỌ VÀ TÊN****CHỨC VỤ**

Bà Vũ Thị Bích Hồng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Ông Trương Vi Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018
Bà Hà Sâm Định	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2018 Từ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2018

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Nguyễn Quỳnh Anh

Ngày 20 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số : 0507.01.03/2018/NVT2-BCTC
Về Báo cáo tài chính năm 2018

**Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2019 từ trang 07 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT	
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
	
Nguyễn Thị Hạnh GCNĐKHNKT số: 1690-2018-124-1	Nguyễn Anh Tú GCNĐKHNKT số: 1482-2018-124-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,064,344,366,204	426,394,504,927
I. Tài sản tài chính	110		1,063,902,783,147	391,087,931,978
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		124,672,164,577	5,407,777,371
1.1. Tiền	111.1	7.1	124,672,164,577	5,407,777,371
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.3.1	165,718,542,482	21,706,735,360
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	113	7.3.2	500,000,000,000	-
4. Các khoản cho vay	114	7.3.3	230,475,844,714	363,189,820,143
7. Các khoản phải thu	117		684,931,505	290,000,000
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	7.4.1	684,931,505	290,000,000
8. Trả trước cho người bán	118	7.4.2	42,164,449,340	90,287,500
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	7.4.3	29,290,243,579	29,720,106,099
12. Các khoản phải thu khác	122		5,741,936	4,930,200
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	7.5	(29,109,134,986)	(29,321,724,695)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		441,583,057	35,306,572,949
1. Tạm ứng	131		151,550,330	10,148,780
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.6 a	290,032,727	286,424,169
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		-	35,010,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16,845,573,747	6,271,562,448
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8,511,737,351	603,073,625
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.7	6,479,663,771	122,090,656
- Nguyên giá	222		16,623,661,041	9,130,548,041
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222a		(10,143,997,270)	(9,008,457,385)
3. Tài sản cố định vô hình	227	7.8	2,032,073,580	480,982,969
- Nguyên giá	228		9,830,019,948	7,741,472,948
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(7,797,946,368)	(7,260,489,979)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		8,333,836,396	5,668,488,823
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.6 b	152,939,134	76,061,871
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	7.9	8,180,897,262	5,592,426,952
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,081,189,939,951	432,666,067,375

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		32,037,629,095	33,454,828,499
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		28,539,542,095	30,600,251,699
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		6,079,005,325	6,229,054,302
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.10	264,761,600	741,705,925
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		130,000,000	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.11	7,098,473,232	20,208,600,930
11. Phải trả người lao động	323		1,184,397,363	572,389,559
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	7.12	120,500,305	84,013,482
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.13	1,665,016,458	2,288,488,339
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328	7.14	10,500,000,000	-
17. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	329		169,302,091	72,938,629
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		1,328,085,721	403,060,533
II. Nợ phải trả dài hạn	340		3,498,087,000	2,854,576,800
12. Dự phòng phải trả dài hạn	354	7.15	3,498,087,000	2,854,576,800
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,049,152,310,856	399,211,238,876
I. Vốn chủ sở hữu	410	7.16	1,049,152,310,856	399,211,238,876
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		969,530,383,997	310,956,293,997
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		969,225,090,000	310,500,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		969,225,090,000	310,500,000,000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		(219,330,000)	(68,330,000)
1.4. Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		524,623,997	524,623,997
4. Quỹ dự trữ điều lệ	414		3,621,349,970	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		4,160,705,713	539,355,743
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		599,986,739	14,731,745
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		71,239,884,437	87,700,857,391
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		77,520,671,961	86,347,887,209
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(6,280,787,524)	1,352,970,182
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1			
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2			
TỔNG CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		1,081,189,939,951	432,666,067,375

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		96,922,509	31,050,000
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	7.17	49,951,870,000	14,077,460,000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	7.18	30,050,000,000	303,480,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	7.19	4,051,473,750,000	2,033,751,210,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1,876,974,870,000	1,587,747,210,000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		412,701,080,000	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		1,635,679,400,000	412,839,400,000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		126,118,400,000	33,164,600,000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	7.20	673,690,000	1,908,370,000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		673,690,000	1,908,370,000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	7.21	82,443,314,146	528,974,259,926
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		46,496,827,791	437,585,970,886
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		35,946,486,355	91,388,289,040
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		35,946,486,355	91,388,289,040
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	7.22	88,522,319,471	535,203,314,228
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		88,522,319,471	535,203,314,228

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng



Quách Thị Xuân Thu

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Quỳnh Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Mẫu B02- CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		33,106,222,996	19,943,189,668
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	7.23	21,071,570,858	-
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	01.2	7.24	11,980,428,238	19,943,063,268
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	7.25	54,223,900	126,400
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2		684,931,505	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		36,146,179,535	25,360,142,807
1.4. Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	4		-	-
1.5. Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	5		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		39,211,311,433	107,420,188,654
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	7		-	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		1,854,104,459	1,444,746,215
1.10. Doanh thu tư vấn	10		50,000,000	
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		-	
Cộng doanh thu hoạt động	20		111,052,749,928	154,168,267,344
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		31,507,786,641	12,511,207,465
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	7.23	11,893,600,697	8,110,951,535
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	7.24	19,614,185,944	4,400,255,930
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
2.2. Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	22		-	-
2.3. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	7.26	(212,589,709)	293,287,500
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		9,808,012,965	24,424,616,639
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		105,000,000	20,000,000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	1,540,582,553
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1,091,207,197	1,036,163,321
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	7.26	660,351,719	989,856,536
Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác	33		-	-
Cộng chi phí hoạt động	40		42,959,768,813	40,815,714,014
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1,052,407,289	785,013,463
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		147,222,300	1,055,972,200
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	7.27	1,199,629,589	1,840,985,663
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG				
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	7.28	15,706,780,309	9,037,611,925
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
70			53,585,830,395	106,155,927,068
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71	7.29	17,525,586,728	198,700,974
8.2. Chi phí khác	72		275,579,883	220,013,276
Cộng kết quả hoạt động khác	80		17,250,006,845	(21,312,302)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)				
90			70,835,837,240	106,134,614,766
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		78,469,594,946	90,591,807,428
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(7,633,757,706)	15,542,807,338
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN				
100			15,781,470,272	18,164,808,034
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	7.30	15,781,470,272	18,164,808,034
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)				
200			55,054,366,968	87,969,806,732
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN				
300			-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
500			1,134.82	3,549.19
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	7.31	1,134.82	3,549.19

Người lập biểu

Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng

Quách Thị Xuân Thu

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Quỳnh Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ(Theo phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(3,019,763,927,006)	(631,058,061,506)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		2,888,938,186,910	322,319,429,000
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(2,201,826,603)	(1,262,457,144)
4. Cổ tức đã nhận	04		54,223,900	126,400
5. Tiền lãi đã thu	05		36,811,943,117	25,431,603,146
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		-	-
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(91,888,029,982)	(29,783,450,195)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08		(4,382,486,699)	(3,384,154,952)
10. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(33,288,485,293)	(12,966,116,045)
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		259,887,807,169	190,940,535,741
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(2,085,618,307)	(100,211,315,288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32,081,787,206	(239,973,860,843)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(9,581,660,000)	(350,000,000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	23		(540,000,000,000)	(42,350,000,000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác	24		40,000,000,000	42,350,000,000
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		290,000,000	1,832,972,166
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(509,291,660,000)	1,482,972,166
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		596,474,260,000	175,431,670,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		596,474,260,000	175,431,670,000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		119,264,387,206	(63,059,218,677)
V. Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.1	5,407,777,371	68,466,996,048
VI. Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.1	124,672,164,577	5,407,777,371

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		12,226,656,426,100	4,675,761,959,899
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(14,477,319,687,500)	(18,863,971,812,450)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		2,602,398,201,292	14,844,228,836,278
9. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		(1,875,235,672)	(1,381,182,655)
12. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12			
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13		(796,390,650,000)	(208,525,210,000)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		(446,530,945,780)	446,112,591,072
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		528,974,259,926	82,861,668,854
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		528,974,259,926	82,861,668,854
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		437,585,970,886	74,030,662,781
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		91,388,289,040	8,831,006,073
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		82,443,314,146	528,974,259,926
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41		82,443,314,146	528,974,259,926
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		46,496,827,791	437,585,970,886
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		35,946,486,355	91,388,289,040

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng



Quách Thị Xuân Thu

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Quỳnh Anh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B04 – CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm		Số dư cuối năm			
		Năm trước	Năm nay	Năm trước	Tăng	Năm nay	Năm trước	Năm nay	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135,524,623,997	310,956,293,997	175,500,000,000	68,330,000	658,725,090,000	151,000,000	310,956,293,997	969,530,383,997
1.1. Cổ phiếu phát hành có quyền biểu quyết		135,000,000,000	310,500,000,000	175,500,000,000	-	658,725,090,000	-	310,500,000,000	969,225,090,000
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	(68,330,000)	-	68,330,000	-	151,000,000	(68,330,000)	(219,330,000)
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		524,623,997	524,623,997	-	-	-	-	524,623,997	524,623,997
3. Quỹ dự trữ vốn điều lệ		-	-	-	-	3,621,349,970	-	-	3,621,349,970
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		539,355,743	539,355,743	-	-	3,621,349,970	-	539,355,743	4,160,705,713
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		14,731,745	14,731,745	-	-	724,269,994	139,015,000	14,731,745	599,986,739
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(268,949,341)	87,700,857,391	87,969,806,732	-	55,054,366,968	71,515,339,922	87,700,857,391	71,239,884,437
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện		13,920,887,915	86,347,887,209	72,426,999,394	-	62,688,124,674	71,515,339,922	86,347,887,209	77,520,671,961
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(14,189,837,156)	1,352,970,182	15,542,807,338	-	(7,633,757,706)	-	1,352,970,182	(6,280,787,524)
Cộng		135,809,762,144	399,211,238,876	263,469,806,732	68,330,000	721,746,426,902	71,805,354,922	399,211,238,876	1,049,152,310,856
II. Thu nhập toàn diện khác									
Cộng									

Người lập biểu



Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng



Quách Thị Xuân Thu

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Quỳnh Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 Giấy chứng nhận thành lập Công ty Chứng khoán Artex

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK – GP ngày 03 tháng 3 năm 2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2014; Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCK ngày 25/12/2017; Giấy phép điều chỉnh số 32/GPĐC-UBCK ngày 26/4/2018; Giấy phép điều chỉnh số 73/GPĐC-UBCK ngày 06/9/2018; Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tăng vốn điều lệ lên 969.225.090.000VND. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

1.2 Địa chỉ liên hệ của Công ty Chứng khoán

Địa chỉ: Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Mã số thuế: 0 1 0 2 6 6 9 3 6 8

1.3 Điều lệ hoạt động công ty chứng khoán:

Ban hành ngày 17 tháng 03 năm 2008 và sửa đổi, bổ sung vào ngày 11 tháng 4 năm 2015

1.4 Ngành nghề kinh doanh chính

Môi giới chứng khoán;
Tự doanh chứng khoán;
Tư vấn đầu tư chứng khoán;
Tư vấn tài chính;
Lưu ký chứng khoán;
Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

1.5 Quy mô vốn

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh số 91/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2018 là: 969.225.090.000VND (Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi chín tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng ./.).

1.6 Hạn chế đầu tư và cho vay

Thực hiện theo Điều 43, 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính.

1.7 Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách đơn vị trực thuộc :

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
Địa chỉ : Gian phòng số 2, tầng 18, tòa nhà Saigon Centre, Giai đoạn 2, số 65 Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 210/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý; Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng; Tiền gửi của Tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

4.2 Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của CTCK

Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn (không bao gồm khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng đã được trình bày tại chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền").
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua các hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời như: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo giá gốc là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh mua và không bao gồm các chi phí mua như: Phí môi giới, phí giao dịch, phí ngân hàng.... Khi bán, giá vốn của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm bán.

Công ty đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ theo giá thị trường, thực hiện đánh giá lại 6 tháng 1 lần. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động, theo 2 chỉ tiêu: Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ. Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại xác định lãi hoặc lỗ chưa thực hiện của kỳ.

Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các cam kết cho vay phát sinh bao gồm: Cam kết cho vay theo hợp đồng margin hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng;

4.3 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi (-) các khoản dự phòng được ước tính cho các khoản phải thu khó đòi dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để trích lập dự phòng.

4.4 Nguyên tắc ghi nhận và trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	SỐ NĂM
Phương tiện vận tải	6 – 10
Máy móc thiết bị	10
Phần mềm tin học	20

4.5 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Nguyên tắc kế toán nợ phải trảNguyên tắc phân loại các khoản phải trả

Các khoản phải trả, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán

Phải trả tổ chức phát hành

Phải trả tổ chức phát hành phản ánh tình hình nhận và thanh toán cho Tổ chức phát hành về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán

Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán phản ánh số hiện có và tình hình biến động về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý và ngân hàng thương mại quản lý.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh tình hình thanh toán với Sở GDCK và Trung tâm lưu ký CK về phí giao dịch chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán, phí bù trừ thanh toán chứng khoán.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí giao dịch và các phí khác liên quan đến hoạt động của công ty.

Dự phòng phải trả

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng phải trả hiện có, tình hình trích lập và sử dụng dự phòng phải trả của doanh nghiệp.

- a) Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
 - Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
 - Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.
- b) Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.
- c) Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Dự phòng phải trả trích lập trong năm là cho khoản phải trả bà Đường Thị Quy – chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm yêu cầu Công ty hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 VND và lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản có liên thông với các tài khoản khác đang nợ Công ty chưa hoàn trả với số tiền là 3.498.087.000 VND.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

Các Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Được ghi nhận theo quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tư doanh

Thu nhập bán các tài sản tài chính: được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Điều kiện ghi nhận doanh thu, thu nhập về kinh doanh các tài sản tài chính tự doanh:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý tài sản tài chính như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát tài sản tài chính;
- Doanh thu, thu nhập được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán tài sản tài chính;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán tài sản tài chính.
- Các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính: Lãi cho vay từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán; Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các tài sản tài chính, mà không bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vào công ty con (các khoản thu nhập này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính).

Điều kiện ghi nhận các thu nhập phát sinh khác từ các tài sản tài chính:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng:

Phương pháp ghi nhận doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng: doanh thu được thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động, bao gồm:

- Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán: Là khoản phí môi giới chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ về nghiệp vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng và được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức bảo lãnh và hưởng phí bảo lãnh: Là số phí được hưởng tính trên giá trị chứng khoán bảo lãnh phát hành đã được phát hành, đã thu tiền và tỷ lệ phí theo thỏa thuận. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.
- Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo phương thức hưởng chiết khấu tiền bán chứng khoán đã được phát hành: Là khoản chênh lệch giữa chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền với giá chiết khấu chứng khoán đã thỏa thuận thanh toán lại với Tổ chức phát hành. Doanh thu này được ghi nhận khi có Biên bản quyết toán với Tổ chức phát hành chứng khoán.
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán: là số tiền hoa hồng được hưởng từ đại lý phát hành chứng khoán cho Tổ chức phát hành hoặc cho Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành, đã thu tiền cho người giao đại lý phát hành chứng khoán.
- Doanh thu về nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán: là số phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng đã thực hiện trong kỳ.
- Doanh thu về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán: là số phí được hưởng khi cung cấp các nghiệp vụ về lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật. Bao gồm: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký chứng khoán, thanh toán các giao dịch chứng khoán; Dịch vụ quản lý sổ cổ đông, đại lý chuyển nhượng...
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính: là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp các dịch vụ tư vấn trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng tư vấn.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ của CTCK:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng báo cáo tài chính

của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác...

4.9 Nguyên tắc kế toán chi phí hoạt động CTCK, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý công ty chứng khoán.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh: bao gồm: Chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ; các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty chứng khoán.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái; Chi phí lãi vay; Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Chi phí quản lý CTCK: phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh và dự chi có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý công ty chứng khoán.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

5 . QUẢN TRỊ VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK

5.1 Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

5.2 Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty, Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty

có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, hoạt động giao dịch ký quỹ và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa với mỗi nhóm tài sản chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty. Tuy nhiên, đối với chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng do các chứng khoán này không phát sinh giao dịch nên không xác định được giá thị trường.

5.3 Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

5.4 Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

5.5 Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

5.6 Các rủi ro về giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư, Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám Đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Sự tăng (hoặc giảm) của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

6. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỊNH GIÁ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH THUỘC DANH MỤC TÀI SẢN TÀI CHÍNH CỦA CTCK

Các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK định giá theo giá trị thị trường hoặc theo giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường). Riêng cổ phiếu AMD được đánh giá lại theo giá cam kết chuyển nhượng (xem TM số B.7.24)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**A. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH****A.7.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	151.101.586	57.373.396
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	123.369.722.922	5.285.307.026
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	1.151.340.069	65.096.949
Cộng	<u>124.672.164.577</u>	<u>5.407.777.371</u>

A.7.2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của công ty chứng khoán	19.276.340	788.806.938.000
- Cổ phiếu	19.276.340	788.806.938.000
b. Của nhà đầu tư	727.076.542	25.945.169.175.600
- Cổ phiếu	727.076.542	25.945.169.175.600
Tổng cộng	746.352.882	26.733.976.113.600

A. 7.3 Các loại tài sản tài chính

7.3.1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	171.889.330.006	165.608.542.482	19.756.755.578	21.343.696.160
Cổ phiếu chưa niêm yết	110.000.000	110.000.000	597.009.600	363.039.200
Cộng	171.999.330.006	165.718.542.482	20.353.765.178	21.706.735.360

7.3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Phương Đông có thời hạn 7 tháng, lãi suất 6,8%/năm.

7.3.3. Các khoản cho vay và phải thu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	126.832.459.306	126.832.459.306	71.704.783.801	71.704.783.801
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	103.643.385.408	103.643.385.408	291.485.036.342	291.485.036.342
Cộng	230.475.844.714	230.475.844.714	363.189.820.143	363.189.820.143

A.7.4 Các khoản phải thu

7.4.1 Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	684.931.505	-
Lãi phải thu của hợp đồng hợp tác đầu tư	-	290.000.000
Cộng	684.931.505	290.000.000

7.4.2 Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	6.969.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (*)	6.969.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	35.195.449.340	-
Công ty Cổ phần Công nghệ OTP Việt Nam (**)	34.959.982.200	-
Các đối tượng khác	235.467.140	90.287.500
Trả trước cho bên liên quan	42.164.449.340	90.287.500

(*) Là khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại toà nhà Saigon Centre theo hợp đồng thuê văn phòng với Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC ngày 28 tháng 02 năm 2018, giá trị hợp đồng là 9.999.000.000 VND, thời hạn thuê là 33 tháng.

(**) Là khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 265 Cầu Giấy theo hợp đồng thuê văn phòng với Công ty Cổ phần Công nghệ OTP Việt Nam ngày 20 tháng 7 năm 2018, giá trị hợp đồng là 34.959.982.200 VND, thời hạn thuê là 42 năm.

7.4.3 Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	163.542.436	617.684.034
Phải thu hoạt động tư vấn	196.000.000	141.000.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	52.853.657	73.984.870
Phải thu dịch vụ khác	28.877.847.486	28.887.437.195
Cộng	29.290.243.579	29.720.106.099
<i>Trong đó: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi</i>	<i>29.018.847.486</i>	<i>29.028.437.195</i>

A.7.5 Dự phòng phải thu khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(29.321.724.695)	(29.028.437.195)
Số trích lập/ hoàn nhập trong năm	212.589.709	(293.287.500)
Số cuối năm	(29.109.134.986)	(29.321.724.695)

Chi tiết số dư dự phòng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	LOẠI PHẢI THU KHÓ ĐÒI PHẢI LẬP DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ PHẢI THU KHÓ ĐÒI	NĂM 2018		
			SỐ ĐẦU NĂM	SỐ TRÍCH LẬP/HOÀN NHẬP TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
1	Dự phòng khó đòi phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.018.847.486	29.028.437.195		29.018.847.486
	<i>Đặng Thị Hoàn</i>	<i>1.985.767.855</i>	<i>1.985.767.855</i>		<i>1.985.767.855</i>
	<i>Đặng Thị Hồng Hà</i>	<i>1.802.130.395</i>	<i>1.802.130.395</i>		<i>1.802.130.395</i>
	<i>Đình Thị Kim Thúy</i>	<i>1.128.657.078</i>	<i>1.128.657.078</i>		<i>1.128.657.078</i>
	<i>Mai Đức Nam</i>	<i>2.392.082.423</i>	<i>2.392.082.423</i>		<i>2.392.082.423</i>
	<i>Nguyễn Thị Cẩm Tú</i>	<i>3.245.015.924</i>	<i>3.245.015.924</i>		<i>3.245.015.924</i>
	<i>Nguyễn Thị Nga</i>	<i>1.744.423.468</i>	<i>1.744.423.468</i>		<i>1.744.423.468</i>
	<i>Nguyễn Trà My</i>	<i>2.444.898.378</i>	<i>2.444.898.378</i>		<i>2.444.898.378</i>
	<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>3.167.341.425</i>	<i>3.167.341.425</i>		<i>3.167.341.425</i>
	<i>Võ Hưng Hiếu</i>	<i>2.791.041.936</i>	<i>2.791.041.936</i>		<i>2.791.041.936</i>
	<i>Khách hàng khác</i>	<i>8.317.488.604</i>	<i>8.327.078.313</i>	<i>(9.589.709)</i>	<i>8.317.488.604</i>
2	Trả trước cho nhà cung cấp	90.287.500	90.287.500		90.287.500
	<i>Báo Thái Nguyên</i>	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>		<i>3.000.000</i>
	<i>Công ty CP phần mềm OOS</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>		<i>20.000.000</i>
	<i>Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Du lịch Việt Mỹ</i>	<i>25.200.000</i>	<i>25.200.000</i>		<i>25.200.000</i>
	<i>Công ty TNHH Tích Hợp hệ thống quản lý Quốc Tế</i>	<i>42.087.500</i>	<i>42.087.500</i>		<i>42.087.500</i>
3	Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	203.000.000	(203.000.000)	-
	<i>Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác đầu tư</i>	<i>-</i>	<i>203.000.000</i>	<i>(203.000.000)</i>	<i>-</i>
	Cộng	29.109.134.986	29.321.724.695	(212.589.709)	29.109.134.986

A.7.6 Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phần mềm máy tính	20.762.500	25.412.504
Chi phí công cụ dụng cụ	5.509.330	-
Chi phí liên quan đến hoạt động chứng khoán	28.512.042	6.233.330
Chi phí bảo trì hệ thống	175.000.000	194.983.333
Chi phí khác	60.248.855	59.795.002
Cộng	290.032.727	286.424.169

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	107.493.507	19.407.833
Chi phí khác	45.445.627	56.654.038
Cộng	152.939.134	76.061.871

A.7.7 Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.031.590.741	1.098.957.300	-	9.130.548.041
Tăng trong năm do mua mới	6.015.504.000	1.442.640.000	34.969.000	7.493.113.000
Số cuối năm	14.047.094.741	2.541.597.300	34.969.000	16.623.661.041
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	7.466.982.742	1.098.957.300	-	8.565.940.042
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	7.909.500.085	1.098.957.300	-	9.008.457.385
Khấu hao trong năm	1.034.955.818	90.044.505	10.539.562	1.135.539.885
Số cuối năm	8.944.455.903	1.189.001.805	10.539.562	10.143.997.270
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	122.090.656	-	-	122.090.656
Số cuối năm	5.102.638.838	1.352.595.495	24.429.438	6.479.663.771

A.7.8 Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.376.690.400	1.364.782.548	7.741.472.948
Tăng do mua mới	2.088.547.000	-	2.088.547.000
Số cuối năm	8.465.237.400	1.364.782.548	9.830.019.948
<i>Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	5.568.343.400	1.364.782.548	6.933.125.948
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.895.707.431	1.364.782.548	7.260.489.979
Khấu hao trong năm	537.456.389	-	537.456.389
Số cuối năm	6.433.163.820	1.364.782.548	7.797.946.368
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	480.982.969	-	480.982.969
Số cuối năm	2.032.073.580	-	2.032.073.580

A.7.9 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	6.222.452.285	4.020.625.682
Tiền lãi được phân bổ trong kỳ	1.838.444.977	1.451.801.270
Cộng	8.180.897.262	5.592.426.952

A.7.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV FLC Land (Công ty Cổ phần FLC Land)	57.300.000	159.402.881
Công ty luật TNHH SMIC	147.584.100	147.584.100
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý sân Golf Biscom tại tỉnh Thanh Hóa	-	264.728.378
Công ty Cổ phần công nghệ tin học và dịch vụ Goline	10.000.000	70.000.000
Các đối tượng khác	49.877.500	99.990.566
Cộng	264.761.600	741.705.925

A.7.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.985.204	454.545
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.213.829.292	18.037.780.502
Thuế thu nhập cá nhân	879.658.736	2.170.365.883
Cộng	<u>7.098.473.232</u>	<u>20.208.600.930</u>

Thuế giá trị gia tăng

- Doanh thu dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán là hoạt động không chịu thuế GTGT. Các hoạt động khác 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

- Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định.

A. 7.12 Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	118.006.244	81.320.402
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	2.494.061	2.693.080
Cộng	<u>120.500.305</u>	<u>84.013.482</u>

A.7.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoạt động	1.370.851.354	2.238.728.339
Chi phí hành chính	-	7.850.000
Chi phí quản lý CTCK	294.165.104	41.910.000
Cộng	<u>1.665.016.458</u>	<u>2.288.488.339</u>

A.7.14 Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn

Là khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển ELDON về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD với giá cam kết chuyển nhượng là 7.000 VND/1 CP, số tiền đặt cọc là 10.500.000.000 VND.

A.7.15 Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi phải trả TK 083C003060—Đường Thị Quy (*)	3.498.087.000	2.854.576.800
Cộng	<u>3.498.087.000</u>	<u>2.854.576.800</u>

(*) Theo thông báo thụ lý vụ án ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân Quận Nam Từ Liêm về việc Bà Đường Thị Quy chủ tài khoản chứng khoán 083C003060 yêu cầu Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex phải hoàn trả số tiền gốc 4.000.000.000 VND và tiền lãi hàng tháng phát sinh từ số dư trên. Theo đó, Công ty đã tạm tính lãi suất hàng tháng phát sinh từ số dư trong tài khoản tương ứng với lãi suất cơ bản của NHNN 9%/năm đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.498.087.000VND.

A.7.16 Vốn chủ sở hữu

a. Tình hình biến động vốn và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ DPTC và rủi ro nghề nghiệp	Quỹ dự trữ vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn CSH
Số đầu năm trước	135.000.000.000	-	524.623.997	539.355.743	-	14.731.745
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	175.500.000.000	-	-	-	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(68.330.000)	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	310.500.000.000	(68.330.000)	524.623.997	539.355.743	-	14.731.745
Số dư đầu năm nay	310.500.000.000	(68.330.000)	524.623.997	539.355.743	-	14.731.745
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	596.625.260.000	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	62.099.830.000	-	-	-	-	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(151.000.000)	-	-	-	-
Chi quỹ	-	-	-	-	-	(139.015.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	3.621.349.970	3.621.349.970	724.269.994
Số dư cuối năm	969.225.090.000	(219.330.000)	524.623.997	4.160.705.713	3.621.349.970	599.986.739

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Giá trị
Ông Trịnh Văn Quyết	3,26%	31.560.000.000
Cổ đông khác	96,74%	937.665.090.000
Cộng	100,00 %	969.225.090.000

c. Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	77.520.671.961	86.347.887.209
Lợi nhuận chưa thực hiện	(6.280.787.524)	1.352.970.182
Cộng	71.239.884.437	87.700.857.391

A.7.17 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của CTCK

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	49.951.870.000	14.077.460.000
Cộng	<u>49.951.870.000</u>	<u>14.077.460.000</u>

A.7.18 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu	30.050.000.000	303.480.000
Cộng	<u>30.050.000.000</u>	<u>303.480.000</u>

A.7.19 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.876.974.870.000	1.587.747.210.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	1.635.679.400.000	412.839.400.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	412.701.080.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	126.118.400.000	33.164.600.000
Cộng	<u>4.051.473.750.000</u>	<u>2.033.751.210.000</u>

A.7.20 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch. tự do chuyển nhượng	673.690.000	1.908.370.000
Cộng	<u>673.690.000</u>	<u>1.908.370.000</u>

A.7.21 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	46.496.827.791	437.585.970.886
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>46.496.827.791</i>	<i>437.585.970.886</i>
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	35.946.486.355	91.388.289.040
<i>Của nhà đầu tư trong nước</i>	<i>35.946.486.355</i>	<i>91.388.289.040</i>
Cộng	<u>82.443.314.146</u>	<u>528.974.259.926</u>

A.7.22 Phải trả Nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	88.522.319.471	535.203.314.228
<i>Của Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>88.522.319.471</i>	<i>535.203.314.228</i>
Cộng	<u>88.522.319.471</u>	<u>535.203.314.228</u>

B. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

B.7.23.Lãi lỗ bán các tài sản tài chính

T	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4
1	Cổ phiếu niêm yết	6.390.324		323.177.038.000	313.999.067.839	9.177.970.161
	+ ROS	6.365.000	50.398	320.784.500.000	313.512.211.943	7.272.288.057
	+ TCB	25.340	94.417	2.392.538.000	486.855.896	1.905.682.104
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	6.390.324		323.177.038.000	313.999.067.839	9.177.970.161

B.7.24.Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

T	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch đánh giá lại năm nay
A	B	C	D		E=C-D	F	G=E-F
I	Loại FVTPL	171.999.330.006	165.718.542.482	11.980.428.238	(19.614.185.944)	1.352.970.182	(6.280.787.524)
1	Cổ phiếu niêm yết	171.889.330.006	165.608.542.482	11.980.428.238	(19.614.185.944)	1.352.970.182	(6.280.787.524)
	<i>FLC</i>	<i>1.611.561.453</i>	<i>1.029.834.980</i>	-	<i>(226.831.240)</i>	<i>(354.895.233)</i>	<i>(581.726.473)</i>
	<i>HAI</i>	<i>2.972.605.525</i>	<i>621.459.750</i>	-	<i>(1.292.245.775)</i>	<i>(1.058.900.000)</i>	<i>(2.351.145.775)</i>
	<i>KLF</i>	<i>7.772.814.914</i>	<i>1.679.335.900</i>	-	<i>(1.325.791.500)</i>	<i>(4.767.687.514)</i>	<i>(6.093.479.014)</i>
	<i>AMD</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>21.000.000.000</i>	-	<i>(9.000.000.000)</i>	-	<i>(9.000.000.000)</i>
	<i>ROS</i>	<i>129.527.470.708</i>	<i>141.273.885.600</i>	<i>11.746.414.892</i>	<i>(7.769.062.749)</i>	<i>7.769.062.749</i>	<i>11.746.414.892</i>
	<i>TCB</i>	<i>153.704</i>	<i>620.400</i>	<i>233.996.296</i>		<i>(233.529.600)</i>	<i>466.696</i>
	<i>Các cổ phiếu khác</i>	<i>4.723.702</i>	<i>3.405.852</i>	<i>17.050</i>	<i>(254.680)</i>	<i>(1.080.220)</i>	<i>(1.317.850)</i>
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	110.000.000	110.000.000	-	-	-	-
	<i>Itasco</i>	<i>110.000.000</i>	<i>110.000.000</i>	-	-	-	-

TT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá tăng trong năm	Chênh lệch đánh giá giảm trong năm	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch đánh giá lại năm nay
A	B	C	D		E=C-D	F	G=E-F
3	Trái phiếu niêm yết						
4	Trái phiếu chưa niêm yết						
5	Công cụ thị trường tiền tệ						
6	Các khoản đầu tư phái sinh niêm yết						
7	Các khoản đầu tư phái sinh chưa niêm yết						
8	Các khoản đầu tư cho vay						
9	Các khoản đầu tư đem thế chấp						
10	Các khoản đầu tư mua chưa chuyển quyền sở hữu						
II	Loại HTM	-	-	-	-	-	-
	Loại các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-	-	-
III							
IV	Loại AFS	-	-	-	-	-	-
	Cộng	171.999.330.006	165.718.542.482	11.980.428.238	(19.614.185.944)	1.352.970.182	(6.280.787.524)

(*) Công ty sở hữu 3.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD, số lượng cổ phiếu này thuộc đối tượng bị hạn chế chuyển nhượng cho đến hết ngày 19 tháng 1 năm 2019 theo đúng điều kiện của đợt chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD hoàn thành ngày 19 tháng 1 năm 2018. Ngày 01 tháng 6 năm 2018 Công ty ký hợp đồng đặt cọc với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển ELDON về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD với giá cam kết chuyển nhượng là 7.000 VND/1 CP. Theo đó, ngày 18 tháng 7 năm 2018 Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển ELDON đã thực hiện đặt cọc cam kết thực hiện hợp đồng với số tiền là 10.500.000.000VND. Khoản tiền này được xác định tương đương với phần chênh lệch giữa giá trị trường của cổ phiếu AMD tại thời điểm đặt cọc và giá cam kết chuyển nhượng (7.000VND/1 CP). Trường hợp ELDON không thực hiện mua cổ phiếu AMD như đã cam kết thì sẽ không được hoàn trả lại số tiền đã đặt cọc. Do đó, cổ phiếu AMD được đánh giá lại theo giá cam kết chuyển nhượng (7.000VND/1 CP)

B.7.25 .Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính		
FVTPL	54.223.900	126.400
Cộng	<u>54.223.900</u>	<u>126.400</u>

B.7.26.Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập/dự phòng phải thu khó đòi	(212.589.709)	293.287.500
Dự phòng chi phí phải trả	643.510.200	588.576.800
Chi phí khác	16.841.519	401.279.736
Cộng	<u>447.762.010</u>	<u>1.283.144.036</u>

B. 7.27.Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.052.407.289	785.013.463
Doanh thu hoạt động tài chính khác	147.222.300	1.055.972.200
Cộng	<u>1.199.629.589</u>	<u>1.840.985.663</u>

B. 7.28.Chi phí quản lý của công ty chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.584.031.132	4.060.015.762
Chi phí công cụ, dụng cụ	96.357.230	13.358.266
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.672.996.274	1.253.386.428
Chi phí thuế, phí và lệ phí	177.011.396	207.980.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.176.384.277	3.186.230.782
Chi phí khác	-	316.640.000
Cộng	<u>15.706.780.309</u>	<u>9.037.611.925</u>

B. 7.29.Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt do vi phạm hợp đồng (*)	17.500.000.000	-
Thu thanh lý công cụ dụng cụ	20.018.182	-
Thu nhập khác	5.568.546	-
Cộng	<u>17.525.586.728</u>	<u>-</u>

(*) Là khoản tiền phạt cọc thuê một phần diện tích văn phòng thuộc tòa nhà FALCON Hà Đông do Công ty Cổ phần Địa ốc Star Hà Nội từ chối thực hiện hợp đồng. Theo phụ lục số 20062016 ngày 20/06/2016 nếu Công ty Cổ phần Địa ốc Star Hà Nội từ chối thực hiện hợp đồng thì sẽ phải trả toàn bộ số tiền đã đặt cọc 35.000.000.000 VND và chịu một khoản phạt cọc số tiền 17.500.000.000 VND. Đến ngày 20/07/2018 Công ty đã thu hồi lại đủ toàn bộ số tiền trên.

B. 7.30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.835.837.240	106.134.614.766
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.071.514.119	(15.310.574.595)
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	20.051.942.357	232.232.743
<i>Lỗi chưa thực hiện</i>	437.756.413	232.232.743
- Các khoản điều chỉnh giảm	19.614.185.944	-
<i>Lãi chưa thực hiện</i>	(11.980.428.238)	(15.542.807.338)
Thu nhập chịu thuế	<u>78.907.351.359</u>	<u>90.824.040.171</u>
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	78.907.351.359	90.824.040.171
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	15.781.470.272	18.164.808.034
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>15.781.470.272</u>	<u>18.164.808.034</u>

B. 7.31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế đã thực hiện	62.688.124.674	72.426.999.394
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	(1.253.762.493)	(1.448.539.988)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	61.434.362.181	70.978.459.406
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	54.135.580	19.998.476
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.134,82</u>	<u>3.549,19</u>

(*) Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 2% lợi nhuận sau thuế
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	31.050.000	13.500.000
Ảnh hưởng do đợt tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	6.209.983	6.209.983
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền trong năm	16.875.597	288.493
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>54.135.580</u>	<u>19.998.476</u>

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay
Tiền lương, thu nhập ban lãnh đạo	1.110.928.990
Cộng	1.110.928.990

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Chủ tịch HĐQT là TGD CTCP Tập đoàn FLC; Anh trai của thành viên HĐQT Trịnh Thị Thúy Nga là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC		
Mua cổ phiếu FLC trên sàn giao dịch	51	266.220
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	20.306	
Chi phí thuê văn phòng phát sinh trong năm		3.030.000.000
Thanh toán tiền thuê văn phòng		9.999.000.000

Ông Trịnh Văn Quyết (Anh trai của thành viên HĐQT Trịnh Thị Thúy Nga)
 Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu ART 2.630.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số chứng khoán của các bên liên quan còn nắm giữ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Số lượng	Giá trị
FLC - Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	200.357	1.611.561.453

8.2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Một số chỉ tiêu đầu năm trên Báo cáo kết quả Kinh doanh đã được Công ty điều chỉnh lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	501	5.147,66	1.598,47	3.549,19

Người lập biểu

Nguyễn Thùy Dung

Kế toán trưởng

Quách Thị Xuân Thu

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quỳnh Anh



FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Hà Nội
T: 024.39368366 | F: 024.39368377
www.artexsc.com.vn